

# BỘ ĐỀ THI 300 CÂU TRẮC NGHIỆM KINH TẾ VI MÔ

- Kinh tế học là môn khoa học xã hội nghiên cứu cách thức:
  - Quản lý doanh nghiệp sao cho có lãi.
  - Lấn tránh vấn đề khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau và cạnh tranh nhau.
  - Tạo ra vận may cho cá nhân trên thị trường chứng khoán.
  - phân bổ nguồn nhân lực khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau.
- Câu nào sau đây thuộc về kinh tế vĩ mô:
  - Tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nước rất cao.
  - Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 1991-1997 ở Việt Nam khoảng 8,5% .
  - Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam dưới 15% mỗi năm trong giai đoạn 1993-1997.
  - cả 3 câu trên đều đúng.
- Kinh tế học vi mô nghiên cứu:
  - Hành vi ứng xử của các tế bào kinh tế trong các loại thị trường.
  - Các hoạt động diễn ra trong toàn bộ nền kinh tế.
  - Cách ứng xử của người tiêu dùng để tối đa hóa thỏa mãn.
  - Mức giá chung của một quốc gia.
- Kinh tế học thực chứng nhằm:
  - Mô tả và giải thích các sự kiện, các vấn đề kinh tế một cách khách quan có cơ sở khoa học.
  - Đưa ra những lời chỉ dẫn hoặc những quan điểm chủ quan của các cá nhân.
  - Giải thích các hành vi ứng xử của các tế bào kinh tế trong các loại thị trường.
  - không có câu nào đúng.
- Câu nào sau đây thuộc kinh tế vi mô:
  - Tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam hiện nay ở mức cao.
  - Lợi nhuận kinh tế là động lực thu hút các doanh nghiệp mới gia nhập vào ngành sản xuất .
  - Chính sách tài chính, tiền tệ là công cụ điều tiết của chính phủ trong nền kinh tế.
  - Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 1996 không quá mức 2 con số.
- Vấn đề nào sau đây thuộc kinh tế chuẩn tắc:
  - Mức tăng trưởng GDP ở Việt Nam năm 1995 là 9,5%.
  - Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 1995 là 12,7%.
  - Giá dầu thế giới tăng hơn 3 lần giữa năm 1973 và 1974.
  - Phải có hiệu thuốc miễn phí phục vụ người già và trẻ em.
- Công cụ phân tích nào nêu lên các kết hợp khác nhau giữa hai hàng hóa có thể sản xuất ra khi các nguồn lực được sử dụng có hiệu quả:
  - Đường giới hạn năng lực sản xuất.
  - Đường cầu.
  - Đường đẳng lượng.
  - Tổng sản phẩm quốc dân(GDP).
- Khái niệm kinh tế nào sau đây không thể lý giải được bằng đường giới hạn năng lực sản xuất:
  - Khái niệm chi phí cơ hội.
  - Khái niệm cung cầu.
  - Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
  - Ý tưởng về sự khan hiếm.
- Một nền kinh tế tổ chức sản xuất có hiệu quả với nguồn tài nguyên khan hiếm khi:
  - Gia tăng sản lượng của mặt hàng này buộc phải giảm sản lượng của mặt hàng kia.
  - Không thể gia tăng sản lượng của mặt hàng này mà không cắt giảm sản lượng của mặt hàng khác.
  - Nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.
  - Các câu trên đều đúng.
- Các vấn đề cơ bản của hệ thống kinh tế cần giải quyết là:
  - Sản xuất sản phẩm gì? Số lượng bao nhiêu?
  - Sản xuất bằng phương pháp nào?
  - Sản xuất cho ai?
  - Các câu trên đều đúng.
- Trong mô hình nền kinh tế thị trường tự do, các vấn đề cơ bản của hệ thống kinh tế được giải quyết:
  - Thông qua các kế hoạch của chính phủ.
  - Thông qua thị trường.
  - Thông qua thị trường và các kế hoạch củ chính phủ.
  - Các câu trên đều đúng.
- Trong những vấn đề sau đây, vấn đề nào thuộc kinh tế học chuẩn tắc:
  - Tại sao nền kinh tế nằm trong tình trạng lạm phát cao vào 2 năm 1987-1988?
  - Tác hại của việc sản xuất, vận chuyển và sử dụng ma túy.
  - Chính phủ nên can thiệp vào nền kinh tế thị trường tới mức độ nào?
  - Không có câu nào đúng.
- Giá cà phê trên thị trường tăng 10%, dẫn đến mức cầu về cà phê trên thị trường giảm 5% với những điều kiện khác không đổi. Vấn đề này thuộc về:
  - Kinh tế học vi mô, chuẩn tắc.
  - Kinh tế học vĩ mô, chuẩn tắc.
  - Kinh tế học vi mô, thực chứng.
  - Kinh tế học vĩ mô, thực chứng.
- Trong những loại thị trường sau, loại nào thuộc về thị trường yếu tố sản xuất:
  - Thị trường đất đai.
  - Thị trường sức lao động.
  - Thị trường vốn.
  - Cả 3 câu trên đều đúng.
- Khả năng hưởng thụ của các hộ gia đình từ các hàng hóa trong nền kinh tế được quyết định bởi:
  - Thị trường hàng hóa.
  - Thị trường đất đai.
  - Thị trường yếu tố sản xuất.
  - Không có câu nào đúng.

16. Sự khác nhau giữa thị trường sản phẩm và thị trường nguồn lực là chỗ trong thị trường sản phẩm:

- a. Nguồn lực được mua bán, còn trong thị trường nguồn lực sản phẩm được mua bán.
- b. Người tiêu dùng là người mua còn trong thị trường nguồn lực người sản xuất là người mua.
- c. Người tiêu dùng là người bán, còn trong thị trường nguồn lực người sản xuất là người bán.
- d. Người tiêu dùng vừa là người mua vừa là người bán, giống như trong sản xuất thị trường nguồn lực.

17. Khác nhau căn bản giữa mô hình kinh tế thị trường tự do và nền kinh tế hỗn hợp là:

- a. Nhà nước quản lý ngân sách.
- b. Nhà nước tham gia quản lý nền kinh tế.
- c. Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi xã hội.
- d. Các câu trên đều sai.

18. Giá sản phẩm X tăng lên dẫn đến phần chi tiêu sản phẩm X tăng lên, thì hệ số co giãn của cầu theo giá sản phẩm là:

- a.  $E_D > 1$
- b.  $E_D < 1$
- c.  $E_D = 0$
- d.  $E_D = 1$ .

19. Khi thu nhập tăng lên 10% , khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên 5% với các điều kiện khác không đổi, thì ta có thể kết luận sản phẩm X là:

- a. Sản phẩm cấp thấp.
- b. Xa xỉ phẩm.
- c. Sản phẩm thiết yếu.
- d. Sản phẩm độc lập.

20. Nếu 2 sản phẩm X và Y là 2 sản phẩm thay thế thì:

- a.  $E_{xy} > 0$
- b.  $E_{xy} < 0$
- c.  $E_{xy} = 0$
- d.  $E_{xy} = 1$ .

21. Nếu 2 sản phẩm X và Y là 2 sản phẩm bổ sung thì:

- a.  $E_{xy} > 0$
- b.  $E_{xy} < 0$
- c.  $E_{xy} = 0$
- d. Tất cả đều sai

22. Đường cung của sản phẩm X dịch chuyển do:

- a. Giá sản phẩm X thay đổi .
- b. Thu nhập tiêu dùng thay đổi.
- c. Thuế thay đổi
- d. Giá sản phẩm thay thế giảm

23. Đường cầu sản phẩm X dịch chuyển khi:

- a. Giá sản phẩm X thay đổi .
- b. Chi phí sản xuất sản phẩm thay đổi.
- c. Thu nhập của người tiêu thụ thay đổi.
- d. Các câu trên đều đúng.

24. Nếu giá sản phẩm X tăng lên, các điều kiện khác không thay đổi thì:

- a. Cầu sản phẩm X giảm xuống.
- b. Khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên.
- c. Khối lượng tiêu thụ sản phẩm X giảm xuống.
- d. Phần chi tiêu sản phẩm X tăng lên.

25. Nếu giá cân bằng sản phẩm là  $P=15$  đ/SP , chính phủ đánh thuế 3 đ/SP làm giá cân bằng tăng lên  $P=17$  đ/SP , có thể kết luận:

- a. Cầu co giãn nhiều hơn so với cung.
- b. Cầu co giãn ít hơn so với cung.

- c. Cầu co giãn tương đương với cung.
- d. Tất cả đều sai.

26. Khi giá hàng Y:  $P_y=4$  thì lượng cầu hàng X:  $Q_x=10$  và khi  $P_y=6$  thì  $Q_x=12$ , với các yếu tố khác không thay đổi kết luận X và Y là 2 sản phẩm:

- a. Bổ sung nhau.
- b. Thay thế cho nhau.
- c. Vừa thay thế, vừa bổ sung.
- d. Không liên quan.

27. Nếu mục tiêu của công ty là tối đa hoá doanh thu, và cầu về sản phẩm của công ty tại mức hiện có là co giãn nhiều, công ty sẽ:

- a. Tăng giá
- b. Giảm giá
- c. Tăng lượng bán
- d. Giữ giá như cũ

28. Khi thu nhập giảm, các yếu tố khác không đổi, giá cả và lượng cân bằng mới của hàng hoá thông thường sẽ:

- a. Giá thấp hơn và lượng cân bằng lớn hơn.
- b. Giá cao hơn và lượng cân bằng nhỏ hơn.
- c. Giá thấp hơn và lượng cân bằng nhỏ hơn.
- d. Không thay đổi.

29. Yếu tố nào sau đây không được coi là yếu tố quyết định cầu hàng hoá:

- a. Giá hàng hoá liên quan.
- b. Thị hiếu, sở thích.
- c. Các yếu tố đầu vào để sản xuất hàng hoá.
- d. Thu nhập.

30. Hàng hoá A là hàng thứ cấp. Nếu giá của A giảm đột ngột còn phân nửa . Tác động thay thế sẽ làm cầu hàng A:

- a. Tăng lên gấp đôi.
- b. Tăng ít hơn gấp đôi.
- c. Giảm còn hơn một nửa.
- d. Các câu trên đều sai.

**Dùng thông tin sau để trả lời các câu 31,32,33.**

Hàm số cung và cầu sản phẩm X có dạng:

$$P = Q_s + 5 \quad P = 1/2 Q_d + 20.$$

31. Giá cân bằng và sản lượng cân bằng là:

- a.  $Q=5$  và  $P=10$
- c.  $Q=8$  và  $P=16$ .
- b.  $Q=10$  và  $P=15$
- d.  $Q=20$  và  $P=10$ .

32. Nếu chính phủ ấn định mức giá  $P=18$  và sẽ mua hết lượng sản phẩm thừa thì chính phủ cần bao nhiêu tiền?:

- a. 108
- c. 180
- b. 162
- d. Tất cả đều sai.

33 . Muốn giá cân bằng  $P=18$ , thì hàm cung mới có dạng:

- a.  $P = Q_s + 14$
- c.  $P = Q_s + 13$
- b.  $P = Q_s + 14$
- d. Tất cả đều sai.

34. Thông thường, gánh nặng của một khoản thuế người sản xuất và người tiêu dùng đều phải chịu nhiều hay ít phụ thuộc vào độ co giãn tương đối giữa cung và cầu. Trong điều kiện nào thì người tiêu dùng phải chịu phần lớn số thuế:

- a. Cung co giãn ít hơn so với cầu.

- b. Cầu co dẫn ít hơn so với cung.
- c. Cầu hoàn toàn co dẫn.
- d. Cung hoàn toàn co dẫn.

35. Giá trần (giá tối đa) luôn dẫn tới:

- a. Sự gia nhập ngành.
- b. Sự dư cung.
- c. Sự cân bằng thị trường.
- d. Sự thiếu hụt hàng hóa.

36. Đường cầu của sách giá khoa sẽ dời sang phải khi:

- a. Số lượng sinh viên tăng.
- b. Giá sách giáo khoa giảm.
- c. Giá sách giáo khoa cùng loại giảm.
- d. Giá giấy dùng để in sách giảm.

37. Đường cầu theo giá của bột giặt OMO chuyển dịch sang phải là do:

- a. Giá bột giặt OMO giảm.
- b. Giá hoá chất nguyên liệu giảm.
- c. Giá của các loại bột giặt khác giảm.
- d. Giá các loại bột giặt khác tăng.

38. Trong trường hợp nào sau đây làm dịch chuyển đường cầu TV SONY về bên phải.

- a. Thu nhập dân chúng tăng.
- b. Giá TV Panasonic tăng.
- c. Giá TV SONY giảm.

- a. Trường hợp 1 và 3 c. Trường hợp 2 và 3.
- b. Trường hợp 1 và 2 d. Trường hợp 1+ 2 +3.

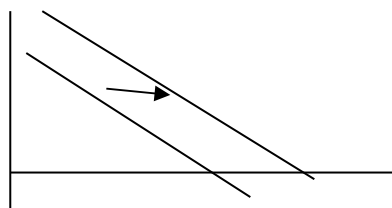
39. Trong trường hợp nào giá bia sẽ tăng:

- a. Đường cầu của bia dời sang phải.
- b. Đường cung của bia dời sang trái.
- c. Không có trường hợp nào.
- d. Cả hai trường hợp a và b đều đúng.

40. Ý nghĩa kinh tế của đường cung thẳng đứng là:

- a. Nó cho thấy nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn tại mức giá thấp hơn.
- b. Nó cho thấy dù giá cả là bao nhiêu người ta cũng chỉ cung ứng 1 lượng nhất định cho Thị trường.
- c. Nó cho thấy nhà cung ứng sẵn sàng cung ứng nhiều hơn khi giá cả cao hơn.
- d. Nó cho thấy chỉ có một mức giá làm cho nhà sản xuất cung ứng hàng hoá cho thị trường.

41. Đường cầu về điện thoại dịch chuyển như hình dưới đây là do:



- a. Chi phí lắp đặt giảm.
- b. Thu nhập dân chúng tăng.
- c. Do đầu tư của các công ty đầu tư viễn thông nước ngoài.
- d. Giá lắp đặt điện thoại giảm.

42. Trong trường hợp nào đường cung của Pepsi dời sang phải:

- a. Thu nhập của người có thể mua nước ngọt giảm.
- b. Giá nguyên liệu tăng.
- c. Giá của Coke tăng.
- d. Không có trường hợp nào.

43. Nhân tố nào sau đây làm dịch chuyển đường cầu của máy ảnh sang phải:

- a. Giá máy ảnh giảm.
- b. Thu nhập dân chúng tăng.
- c. Giá phim tăng.
- d. Chính phủ đánh thuế vào ngành kinh doanh máy ảnh.

44. Yếu tố nào sau đây không phải là yếu tố quyết định cung:

- a. Những thay đổi về công nghệ.
- b. Mức thu nhập.
- c. Thuế và trợ cấp.
- d. Chi phí nguồn lực để sản xuất hàng hóa.

45. Hàm số cầu và số cung của một hàng hóa như sau:

(D) :  $P = -Q + 50$  ; (S) :  $P = Q + 10$   
 Nếu chính phủ quy định giá tối đa là  $P = 20$ , thì lượng hàng hóa:

- a. Thiếu hụt 30
- b. Thừa 30
- c. Dư thừa 20
- d. Thiếu hụt 20.

48. Hàm số cầu của một hàng hóa là tương quan giữa:

- a. Lượng cầu hàng hóa đó với giá cả của nó.
- b. Lượng cầu hàng hóa đó với tổng số chi tiêu của người tiêu dùng.
- c. Lượng cầu hàng hóa đó với tổng số chi tiêu của người tiêu dùng.
- d. Lượng cầu hàng hóa đó với tổng số doanh thu của người bán.

**Dùng số liệu sau đây để trả lời các câu 49→53.**

Thị trường sản phẩm X có hàm số cung và cầu có dạng:

$$P = 60 - 1/3QD \qquad P = 1/2QS - 15$$

49. Giá cả cân bằng và sản lượng cân bằng sản phẩm X là:

- a.  $P = 30$  và  $Q = 90$
- b.  $P = 20$  và  $Q = 70$
- c.  $P = 40$  và  $Q = 60$
- d. các câu trên đều sai.

50. Giả sử chính phủ đánh thuế là giảm sản lượng cân bằng xuống và bằng 84. Xác định mức thuế chính phủ đánh vào mỗi sản phẩm:

- a.  $t = 3/\text{sản phẩm}$
- b.  $t = 5/\text{sản phẩm}$
- c.  $t = 10/\text{sản phẩm}$
- d. Tất cả các câu trên đều sai.

51. Tiền thuế mà người tiêu dùng phải chịu trên mỗi sản phẩm:

- a. 3
- c. 1
- b. 2
- d. 0

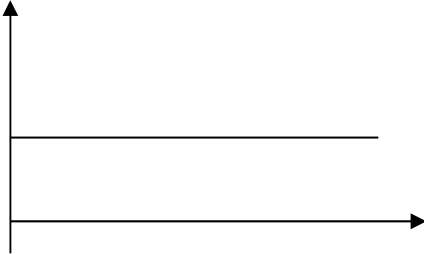
52. Sự thay đổi trong thặng dư tiêu dùng ( $\Delta CS$ ) và thặng dư sản xuất ( $\Delta PS$ ) khi chính phủ đánh thuế là:

- a.  $\Delta PS = -261$                        $\Delta CS = -174$
- b.  $\Delta PS = 261$                          $\Delta CS = 174$
- c.  $\Delta PS = 0$                            $\Delta CS = 0$
- d. Tất cả các câu trên đều sai.

53. Tổn thất vô ích xảy ra khi chính phủ đánh thuế là:

- a. -15
- b. 30
- c. -50
- d. -261

54. Đồ thị sau phản ánh:



- a. Cầu hoàn toàn không co giãn
- b. Giá càng thấp cầu càng không co giãn
- c. Cầu co giãn hoàn toàn
- d. Giá càng thấp cầu càng co giãn

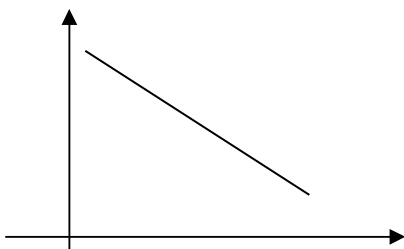
55. Trong trường hợp nào đường cung của xăng sẽ dời sang trái.

- a. Giá xăng giảm.
- b. Mức lương của công nhân lọc dầu tăng lên.
- c. Có sự cải tiến trong công nghệ lọc dầu.
- d. Tất cả các trường hợp trên.

56. Quy luật cung chỉ ra rằng:

- a. Sự gia tăng cầu trực tiếp dẫn đến sự gia tăng của cung.
- b. Nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng ít hơn với mức giá cao hơn.
- c. Có mối quan hệ nghịch giữa cung và giá cả.
- d. Nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn với mức giá cao hơn.

57. Đồ thị sau phản ánh:



- a. Cầu càng ít co giãn khi giá càng thấp.
- b. Cầu hoàn toàn không co giãn.
- c. Cầu càng co giãn nhiều khi giá càng thấp.
- d. Cầu co giãn hoàn toàn.

58. Đường cung phản ánh:

- a. Sự chênh lệch giữa số cầu hàng hóa và số cung hàng hóa ở mỗi mức giá.
- b. Số lượng hàng hóa mà nhà sản xuất sẽ bán ra ứng với mỗi mức giá trên thị trường.
- c. Số lượng tối đa hàng hóa mà ngành có thể sản xuất, không kể đến giá cả.
- d. Mức giá cao nhất mà người sản xuất chấp nhận ứng với mỗi mức sản lượng.

59. Đối với một đường cầu tuyến tính, khi ta di chuyển xuống dọc theo đường cầu thì:

- a. Độ co giãn của cầu theo giá thay đổi nhưng độ dốc của đường cầu không thay đổi.
- b. Độ co giãn của cầu theo giá và độ dốc của đường cầu không thay đổi.
- c. Độ dốc của đường cầu thay đổi nhưng độ co giãn của cầu theo giá không thay đổi.
- d. Độ co giãn của cầu theo giá và độ dốc của đường cầu đều thay đổi.

60. Sự di chuyển dọc xuống theo đường cung cho thấy khi giá hàng hóa giảm:

- a. Có sự giảm sút lượng cung.
- b. Đường cung dịch chuyển về bên phải.
- c. Có sự gia tăng lượng cung.
- d. Đường cung dịch chuyển về bên trái.

61. Giá của hàng hóa A tăng, do đó đường cầu của hàng hóa B dời sang trái, suy ra:

- a. B là hàng hóa thứ cấp.
- b. A là hàng hóa thông thường.
- c. A và B là 2 hàng hóa bổ sung cho nhau.
- d. A và B là 2 hàng hóa thay thế cho nhau.

62. Hiện tượng nào sau đây không gây ra sự dịch chuyển đường cầu:

- a. Sự gia tăng giá mặt hàng bổ sung.
- b. Sự gia tăng giá mặt hàng thay thế.
- c. Sự thay đổi giá bán của bản thân mặt hàng đó.
- d. Sự giảm sút của thu nhập.

63. Chọn câu đúng trong những câu dưới đây:

- a. Thu nhập của người tiêu dùng tăng sẽ làm đường cung dịch chuyển sang phải.
- b. Giá của các yếu tố đầu vào tăng sẽ làm đường cung dịch sang phải.
- c. Hệ số co giãn của cung luôn luôn nhỏ hơn 0.
- d. Phản ứng của người tiêu dùng dễ dàng và nhanh chóng hơn nhà sản xuất trước sự biến động của giá cả trên thị trường.

64. Biểu cầu cho thấy:

- a. Lượng cầu về một loại hàng hóa cụ thể tại các mức giá khác nhau.
- b. Lượng cầu về một loại hàng hóa cụ thể sẽ thay đổi khi mức thu nhập thay đổi.
- c. Lượng hàng cụ thể sẽ được cung ứng cho thị trường tại các mức giá khác nhau.
- d. Lượng cầu về một hàng hóa cụ thể sẽ thay đổi khi giá các hàng hóa liên quan thay đổi.

65. Độ co giãn của cầu theo giá được xác định theo công thức:

- a.  $(\Delta Q/P) / (\Delta P/Q)$
- b.  $(\Delta Q/\Delta P) \times (P/Q)$
- c.  $(\Delta Q/P) - (\Delta P/Q)$
- d.  $(\Delta Q/P) + (\Delta P/Q)$

66. Nếu hệ số co giãn chéo của đường cầu là số dương, chúng ta nói hai hàng hóa đó là:

- a. Hàng thay thế
- b. Hàng độc lập
- c. Hàng bổ sung
- d. Hàng

67. Trong trường hợp cầu co dẫn nhiều, giá cả tăng sẽ làm tổng doanh thu của người bán:

- a. Không đổi
- b. Tăng
- c. Không thể dự
- d. Giảm

68. Tìm câu sai trong những câu dưới đây:

- a. Thu nhập giảm sẽ làm cho hầu hết các đường cầu của các hàng hóa dịch chuyển sang trái.
- b. Những mặt hàng thiết yếu có độ co dẫn của cầu theo giá nhỏ.
- c. Đường cầu biểu diễn mối quan hệ giữa giá cả và lượng cầu.
- d. Giá thuốc lá tăng mạnh làm đường cầu thuốc lá dịch chuyển sang trái.

69. Quy luật cầu chỉ ra rằng: nếu các yếu tố khác không đổi thì:

- a. Giữa lượng cầu hàng hóa này và giá hàng hóa thay thế có mối liên hệ với nhau.
- b. Giữa lượng cầu và thu nhập có mối quan hệ đồng biến.
- c. Giữa số lượng hàng hóa và sở thích có quan hệ đồng biến.
- d. Giữa số lượng hàng hóa với giá của nó có mối quan hệ nghịch biến.

70. Hệ số co dẫn của cầu theo giá được xác định bằng cách:

- a. Lấy phần trăm thay đổi của lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi của thu nhập.
- b. Lấy phần trăm thay đổi của lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi của giá.
- c. Lấy phần trăm thay đổi của giá chia cho phần trăm thay đổi của số cầu.
- d. Lấy số thay đổi của cầu chia cho số thay đổi của giá.

71. Nếu phần trăm thay đổi của giá lớn hơn phần trăm thay đổi của lượng cung thì chúng ta biết rằng cung là:

- a. Co dẫn hoàn toàn
- b. Co dẫn nhiều
- c. Hoàn toàn không co dẫn
- d. Co dẫn ít.

72. Hàm số cầu của một hàng hóa là:  $Q = 100 - 2P$ . Tại mức giá  $P = 25$  thì cầu hàng hóa này có mức độ co dẫn theo giá là:

- a. Co dẫn đơn vị
- b. Co dẫn hoàn toàn
- c. Hoàn toàn không co dẫn
- d. Co dẫn ít
- e. Co dẫn nhiều

73. Khi giá các sản phẩm thay thế và bổ sung cho sản phẩm A đều tăng lên. Nếu các yếu tố khác không thay đổi thì giá cả và sản lượng cân bằng của sản phẩm A sẽ:

- a. Giá tăng, lượng giảm.
- b. Giá tăng, lượng tăng.
- c. Không xác định được.
- d. Giá giảm, lượng tăng.
- e. Giá giảm, lượng giảm.

74. Hệ số co dẫn của cầu theo giá của mặt hàng máy lạnh là -2, có nghĩa là:

- a. Giá tăng 10%; lượng cầu tăng 20%.
- b. Giá giảm 20%; lượng cầu tăng 10%.
- c. Giá giảm 10%; lượng cầu giảm 20%
- d. Giá tăng 10%; lượng cầu giảm 20%

75. Khi cung sản phẩm X trên thị trường tăng lên nhưng không làm thay đổi số lượng sản phẩm cân bằng mua và bán trên thị trường, chúng ta kết luận rằng cầu sản phẩm X:

- a. Co dẫn nhiều
- b. Co dẫn đơn vị
- c. Co dẫn ít
- d. Hoàn toàn không co dẫn.

76. Câu nào sau đây là không đúng:

- a. Hệ số co dẫn của cầu theo giá trong ngắn hạn thường lớn hơn trong dài hạn.
- b. Dạng dốc xuống của đường cầu chỉ quan hệ nghịch biến giữa số cầu và giá cả.
- c. Phản ứng người tiêu dùng thường dễ dàng và nhanh chóng hơn nhà sản xuất trước biến động của giá cả thị trường.
- d. Khi mặt hàng thay thế hoặc bổ sung cho hàng hóa X thay đổi, đường cầu về sản phẩm X sẽ thay đổi.

77. Khi một hàng hóa có độ co dẫn của cầu theo giá là 1. khoản chi tiêu của người tiêu dùng:

- a. Thay đổi cùng chiều với sự thay đổi giá.
- b. Thay đổi ngược chiều với sự thay đổi giá.
- c. Thay đổi ngược chiều và bằng % như sự thay đổi của giá.
- d. Không thay đổi khi giá hàng hóa thay đổi.

78. Khi thu nhập dân chúng tăng mà lượng cầu sản phẩm A giảm thì:

- a. A là hàng hóa cao cấp.
- b. A là hàng hóa bình thường.
- c. A là hàng hóa thiết yếu.
- d. A là hàng hóa cấp thấp.

79. Nếu cầu của hàng hóa X là ít co dẫn ( $|ED| < 1$ ) thì một sự thay đổi trong giá cả (PX) sẽ làm:

- a. Thay đổi lượng cầu hàng hóa X khá lớn.
- b. Thay đổi tổng doanh thu (TR) theo hướng ngược chiều.
- c. Thay đổi tổng doanh thu (TR) theo hướng cùng chiều.
- d. Không làm thay đổi tổng doanh thu.

80. Khi thu nhập dân chúng tăng lên, các nhân tố khác không thay đổi, giá cả và số lượng cân bằng mới của loại hàng hóa thứ cấp (hàng xấu) sẽ:

- a. Giá thấp hơn và số lượng lớn hơn.
- b. Giá cao hơn và số lượng không đổi
- c. Giá cao hơn và số lượng nhỏ hơn.
- d. Giá thấp hơn và số lượng nhỏ hơn.

81. Thị trường thuốc lá nội địa đang cân bằng tại mức giá  $P_1$  và số lượng  $Q_1$ . Giả sử xuất hiện thuốc lá nhập lậu bán với giá rẻ, lúc này điểm cân bằng mới của thị trường thuốc lá nội địa là  $P_2$  và  $Q_2$ :

- a.  $P_2 > P_1$  và  $Q_2 > Q_1$
- c.  $P_2 < P_1$  và  $Q_2 < Q_1$ .

b.  $P_2 > P_1$  và  $Q_2 < Q_1$  d.  $P_2 < P_1$  và  $Q_2 > Q_1$ .

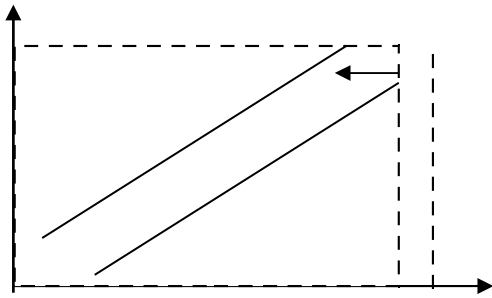
82. Sự tác động qua lại giữa người sản xuất và người tiêu dùng trên thị trường nhằm xác định:

- a. Giá cả và chất lượng sản phẩm .
- b. số lượng và chất lượng sản phẩm.
- c. Giá cả và số lượng sản phẩm.
- d. không có câu nào đúng.

83. Trong điều kiện giá cả không đổi, đường cầu dịch chuyển là do tác động của các nhân tố sau:

- a. Thu nhập dân cư. c. Giá cả sản phẩm thay thế.
- b. Sở thích, thị hiếu. d. Cả ba câu trên đều đúng.

84. Trong mùa vụ 1994-1995 , lượng mía đường cung ứng thay đổi trong trường hợp sau đây là do: (vẽ hình)



- a. Nhu cầu đường giảm c. Giá mía đường tăng.
- b. Giá đường giảm . d. Do lũ lụt cuối năm 1994.

85. Tìm câu sai trong những câu dưới đây:

- a. Đường cung biểu diễn mối quan hệ giữa giá và lượng cung trên đồ thị.
- b. Trong những điều kiện khác nhau không đổi, giá hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ làm lượng cầu giảm.
- c. Với mức giá mặt hàng vải không đổi, khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm đường cầu mặt hàng này dịch chuyển sang trái.
- d. Trong những yếu tố khác không đổi, giá mặt hàng Tivi tăng lên sẽ làm lượng cầu Tivi giảm.

86. Tìm câu đúng trong các câu dưới đây:

- a. Tính chất co giãn theo giá của nhóm hàng thiết yếu là co giãn nhiều.
- b. Bếp gas và gas là 2 mặt hàng bp63 sung cho nhau.
- c. Hệ số co giãn cầu theo thu nhập của hàng xa xỉ phẩm nhỏ hơn 1.
- d. Giá cả yếu tố sản xuất tăng sẽ làm cho đường cung dịch chuyển sang phải.

87. Do nhiều người từ các tỉnh nhập cư vào thành phố Hồ Chí Minh, kết quả là đường cầu mặt hàng gạo ở TP.Hồ Chí Minh:

- a. Dịch chuyển sang trái.
- b. Dịch chuyển sang phải.
- c. Dịch chuyển lên trên.
- d. Không có câu nào đúng.

88. Cầu mặt hàng Y co giãn nhiều theo giá. Khi chính phủ đánh thuế theo sản lượng:

- a. Phần lớn tiền thuế do người tiêu thụ chịu.
- b. Phần lớn tiền thuế do nhà sản xuất chịu.
- c. Số tiền thuế chia đều cho 2 bên.
- d. Nhà sản xuất chịu hoàn toàn tiền thuế.

89. Khi chính phủ kiểm soát giá cả của hàng hóa làm cho giá hàng hóa cao hơn mức giá cân bằng trên thị trường:

- a. Mọi người đều được lợi khi kiểm soát giá cả.
- b. Chỉ có người tiêu dùng được lợi.
- c. Chỉ có một số người bán có thể tìm được người mua sản phẩm của mình.
- d. Cả 2 bên đều có lợi.

90. Giá cả hàng bột giặt là 8.000 đồng/kg. Khi chính phủ đánh thuế 500 đồng/kg, giá cả trên thị trường là 8.500 đồng/kg. Vậy tính chất co giãn cầu theo giá của hàng bột giặt là:

- a. Co giãn nhiều.
- b. Co giãn ít.
- c. Co giãn hoàn toàn.
- d. Hoàn toàn không co giãn.

91. Trong điều kiện khác không đổi, khi giá cả các yếu tố sản xuất tăng lên, thì giá cả và số lượng cân bằng trên thị trường sẽ thay đổi như sau:

- a. Giá tăng lên và sản lượng cân bằng tăng lên.
- b. Giá tăng lên và sản lượng cân bằng giảm xuống.
- c. Giá giảm xuống và sản lượng cân bằng tăng lên.
- d. Giá giảm xuống và sản lượng cân bằng giảm xuống.

92. Giả sử hàm số cầu thị trường của một loại nông sản:  $P = - 1/2Q + 40$

Lượng cung nông sản trên thị trường là 40. Vậy mức giá cân bằng trên thị trường là:

- a.  $P = 10$
- b.  $P = 20$
- c.  $P = 40$
- d. Không có cân nào đúng.

93. Hệ số co giãn cầu theo thu nhập có ý nghĩa thực tiễn là:

- a. Dự đoán lượng cầu hàng hóa thay đổi bao nhiêu phần trăm khi thu nhập của công chúng thay đổi 1%.
- b. Dự đoán thu nhập thay đổi bao nhiêu khi lượng cầu hàng hóa thay đổi 1%.
- c. Xác định nguồn thu nhập của công chúng.
- d. Xác định lượng cầu của hàng hóa trên thị trường.

94. Để tối đa hóa hữu dụng với thu nhập cho trước. Người tiêu dùng phân phối các sản phẩm theo nguyên tắc:

- a. Hữu dụng biên các sản phẩm phải bằng nhau:  $MU_x = MU_y = \dots$
- b. Hữu dụng biên trên một đơn vị tiền tệ của các sản phẩm bằng nhau:  $MU_x/P_x = MU_y/P_y = MU_z/P_z = \dots$
- c. Ưu tiên mua các sản phẩm có mức giá tương đối rẻ.
- d. Phần chi tiêu cho mỗi sản phẩm là bằng nhau.

95. Đường tiêu thụ giá cả (Price Consumption Line) là:

- a. Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi giá cả 1 sản phẩm thay đổi, các yếu tố khác không đổi.
- b. Tập hợp những tiếp điểm giữa đường đẳng ích và đường ngân sách khi giá sản phẩm và thu nhập đều thay đổi.
- c. Tập hợp các tiếp điểm giữa đường thẳng ích và đường ngân sách khi thu nhập thay đổi các yếu tố khác không đổi.

d. Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi giá cả các sản phẩm thay đổi, thu nhập không đổi.

96. Đường tiêu thụ thu nhập (Income Consumption Line) là:

- a. Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi giá cả các sản phẩm thay đổi, thu nhập không đổi.
- b. Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi giá cả 1 sản phẩm thay đổi, các yếu tố còn lại không đổi.
- c. Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi thu nhập thay đổi, các yếu tố còn lại không đổi.
- d. Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi thu nhập và giá cả các sản phẩm đều thay đổi.

97. Điểm phối hợp tối ưu (đạt TU max) giữa 2 sản phẩm X và Y là:

- a. Tiếp điểm của đường đẳng ích và đường ngân sách.
- b. Tiếp điểm của đường đẳng ích và đường đẳng phí.
- c. Tiếp điểm giữa đường đẳng lượng và đường đẳng phí.
- d. Tiếp điểm giữa đường đẳng lượng và đường ngân sách.

98. Đường cong Engel là đường biểu thị mối quan hệ giữa:

- a. Giá sản phẩm và khối lượng sản phẩm được mua.
- b. Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu thụ.
- c. Thu nhập và khối lượng sản phẩm được mua của người tiêu dùng.
- d. Giá sản phẩm này với khối lượng tiêu thụ sản phẩm kia.

99. Đường ngân sách có dạng:  $Y = 100 - 2X$ .

Nếu  $P_y = 10$  và:

- a.  $P_x = 5, I = 100$
- b.  $P_x = 10, I = 2.000$
- c.  $P_x = 20, I = 2.000$
- d.  $P_x = 20, I = 1.000$

100. Nếu  $P_x = 5$  và  $P_y = 20$  và  $I = 1.000$  thì đường ngân sách có dạng:

- a.  $Y = 200 - 1/4X$
- b.  $Y = 100 + 4X$
- c.  $Y = 50 + 1/4X$
- d.  $Y = 50 - 1/4X$

Sử dụng thông tin này để trả lời các câu 101, 102, 103.

Một người tiêu thụ có thu nhập  $I = 1.200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với  $P_x = 100$ đ/sản phẩm;  $P_y = 300$ đ/sản phẩm. Mức thỏa mãn được thể hiện qua hàm số:

$$TU_x = -1/3X^2 + 10X \quad \quad \quad TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$$

101. Hữu dụng biên của 2 sản phẩm là:

- a.  $MU_x = -1/3 X + 10$   $MU_y = -1/2 Y + 20$ .
- b.  $MU_x = -2/3 X + 10$   $MU_y = -Y + 20$
- c.  $MU_x = -2/3 X + 10$   $MU_y = -Y + 20$
- d. Tất cả đều sai.

102. Phương án tiêu dùng tối ưu là:

- a.  $X = 3$   $Y = 3$  c.  $X = 9$   $Y = 1$
- b.  $X = 6$   $Y = 2$  d. Tất cả đều sai.

103. Tổng hữu dụng tối đa đạt được:

- a.  $TU_{max} = 86$
- b.  $TU_{max} = 82$
- c.  $TU_{max} = 76$
- d.  $TU_{max} = 96$

104. Đường ngân sách là:

a. Tập hợp các phối hợp có thể có giữa 2 sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi thu nhập không đổi.

b. Tập hợp các phối hợp có thể có giữa 2 sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi thu nhập thay đổi.

c. Tập hợp các phối hợp có thể có giữa 2 sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi giá sản phẩm thay đổi.

d. Tập hợp các phối hợp có thể mua giữa 2 sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua với giá sản phẩm cho trước và thu nhập không thay đổi.

105. Giả thuyết nào sau đây không được đề cập đến khi phân tích sở thích trong lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng:

- a. Sự ưa thích là hoàn chỉnh có nghĩa là nó thể hiện so sánh và xếp loại tất cả mọi thứ hàng hóa.
- b. Sự ưa thích có tính bắc cầu.
- c. Thích nhiều hơn ít (loại hàng hóa tốt).
- d. Không đúng câu nào.

106. Cho 3 giỏ hàng hóa sau đây:

	Thực phẩm	Quần
áo		
A	15	18
B	14	19
C	13	17

Nếu phối hợp tiêu dùng A và B cùng nằm trên một đường đẳng ích (bàng quan) và sở thích thỏa mãn các giả thiết về lựa chọn, thì:

- a. A được thích hơn C
- b. Cả (a) và (b) đều đúng.
- c. Không câu nào đúng.

107. Thu nhập tăng, giá không thay đổi, khi đó:

- a. Độ dốc đường ngân sách thay đổi.
- b. Đường ngân sách dịch chuyển song song sang phải.
- c. Đường ngân sách trở nên phẳng hơn.
- d. Đường ngân sách dịch chuyển song song sang trái.

108. Nếu  $MUA = 1/QA$ ;  $MUB = 1/QB$ , giá của A là 50, giá của B là 400 và thu nhập của người tiêu dùng là 12.000. Để tối đa hóa thỏa mãn, người tiêu dùng sẽ mua mỗi loại hàng hóa bao nhiêu ?

- a. A = 120      B = 15.      c. A = 48      B = 24
- b. A = 24      B = 27      d. Không câu nào đúng.

109. Độ dốc của đường đẳng ích phản ánh:

- a. Sự ưa thích có tính bắc cầu.
- b. Sự ưa thích là hoàn chỉnh.
- c. Tỷ lệ thay thế giữa 2 hàng hóa.
- d. Các trường hợp trên đều sai.

110. Sự chênh lệch giữa giá mà người tiêu dùng sẵn sàng trả cho 1 đơn vị hàng hóa và giá thật sự người tiêu dùng phải trả khi mua một đơn vị hàng hóa được gọi là:

- a. Tổng giá trị nhận được khi tiêu dùng hàng hóa đó.
- b. Độ co giãn của cầu.
- c. Thặng dư của nhà sản xuất.
- d. Thặng dư của người tiêu dùng.

112. Một người dành thu nhập 210 đvt để mua 2 hàng hóa X và Y với  $P_x = 30$ đvt/sản phẩm;  $P_y = 10$ đvt/sản phẩm Hữu dụng biên của người này như sau:

Tổng hữu dụng lớn nhất người này đạt được là;

- a. 119  
b. 150

- c. 170  
d. 185

113. Tìm câu sai trong những câu dưới đây:

- a. Đường đẳng ích thể hiện tất cả các phối hợp về 2 loại hàng hóa cho người tiêu dùng có cùng một mức độ thỏa mãn.  
b. Tỷ lệ thay thế biên thể hiện sự đánh đổi giữa 2 loại hàng hóa sao cho tổng mức thỏa mãn không đổi.  
c. Các đường đẳng ích không cắt nhau.  
d. Đường đẳng ích luôn có độ dốc bằng tỷ số giá cả của 2 loại hàng hóa.

114. Phối hợp tối ưu của người tiêu dùng là phối hợp thỏa điều kiện:

- a. Độ dốc của đường ngân sách bằng độ dốc của đường đẳng ích.  
b. Tỷ lệ thay thế biên giữa các hàng hóa bằng tỷ giá của chúng.  
c. Đường ngân sách (đường tiêu dùng) tiếp xúc với đường đẳng ích (đường cong bàng quan)  
d. Các câu khác đều đúng.

115. Khi đạt tối đa hóa hữu dụng thì hữu dụng biên từ đơn vị cuối cùng của các hàng hóa phải bằng nhau ( $MU_x = MU_y = \dots = MU_n$ ).

Điều này:

- a. Đúng hay sai tùy theo sở thích người tiêu dùng.  
b. Đúng hay sai tùy theo thu nhập của người tiêu dùng.  
c. Đúng khi giá các hàng hóa bằng nhau.  
d. Luôn luôn sai.

116. Giả sử người tiêu dùng dành hết tiền lương để mua hai hàng hóa X và Y. Nếu giá hàng hóa X và Y đều tăng lên gấp 2, đồng thời tiền lương của người tiêu dùng cũng tăng lên gấp 2 thì đường ngân sách của người tiêu dùng sẽ:

- a. Dịch chuyển song song sang phải.  
b. Xoay quanh điểm cắt với trục tung sang phải.  
c. Không thay đổi.  
d. Dịch chuyển song song sang trái.

117. Trên đồ thị: trục tung biểu thị số lượng của sản phẩm Y; trục hoành biểu thị số lượng của sản phẩm X. Độ dốc của đường ngân sách (đường giới hạn tiêu dùng) bằng -3, có nghĩa là:

- a.  $MU_x = 3 MU_y$   
b.  $MU_y = 3 MU_x$   
c.  $P_x = 1/3 P_y$   
d.  $P_x = 3 P_y$

118. Giả định người tiêu dùng luôn chi tiêu hết thu nhập và chỉ mua 2 sản phẩm X và Y. Khi giá X tăng lên (các yếu tố khác không thay đổi) thì người này mua sản phẩm y nhiều hơn, chúng ta có thể kết luận về tính chất co giãn của cầu theo giá đối với sản phẩm X của người này là:

- a. Co giãn đơn vị  
b. Co giãn ít  
c. Không thể xác định  
d. Co giãn nhiều.

119. Khi giá cả của hàng hóa bình thường giảm, người tiêu dùng mua hàng hóa này nhiều hơn, đó là hệ quả của:

- a. Tác động thay thế hoặc tác động thu nhập.  
b. Tác động thu nhập  
c. Tác động thay thế và tác động thu nhập  
d. Tác động thay thế.

120. Nếu  $(MU_x / P_x) > (MU_y / P_y)$  thì:

- a. Hàng hóa X mắc hơn hàng hóa Y  
b. Giảm chi tiêu 1 đồng cho hàng hóa Y và chuyển sang chi tiêu cho hàng hóa X sẽ làm tăng tổng hữu dụng.  
c. Hàng hóa X rẻ hơn hàng hóa Y.  
d. Giảm chi tiêu 1 đồng cho hàng hóa X và chuyển sang chi tiêu cho hàng hóa X sẽ làm tăng tổng hữu dụng.  
d. Giảm chi tiêu 1 đồng cho hàng hóa X và chuyển sang chi tiêu cho hàng hóa Y sẽ làm tăng tổng hữu dụng.

121. Giả sử người tiêu dùng luôn chi tiêu hết thu nhập và chỉ mua 2 sản phẩm X và Y. Biết sản phẩm X là hàng hóa thiết yếu. Vậy khi giá sản phẩm X giảm và các yếu tố khác không đổi thì lượng hàng hóa Y người này mua sẽ:

- a. Giảm  
b. Không thay đổi  
c. Không thể xác định được.  
d. Tăng.

122. Khi tổng hữu dụng giảm, hữu dụng biên:

- a. Dương và tăng dần.  
b. Âm và giảm dần.  
c. Dương và Giảm dần.  
d. Âm và tăng dần.

123. Đường đẳng ích của 2 sản phẩm X và Y thể hiện:

- a. Những phối hợp khác nhau của 2 sản phẩm X và Y với thu nhập nhất định.  
b. Những phối hợp khác nhau của 2 sản phẩm X và Y tạo ra mức hữu dụng khác nhau.  
c. Những phối hợp khác nhau của 2 sản phẩm X và Y cùng tạo ra mức hữu dụng như nhau.  
d. Không có câu nào đúng.

124. Hữu dụng biên (MU) đo lường:

- a. Độ dốc của đường đẳng ích.  
b. Mức thỏa mãn tăng thêm khi sử dụng thêm 1 đơn vị sản phẩm, trong khi các yếu tố khác không đổi.  
c. Độ dốc của đường ngân sách.  
d. Tỷ lệ thay thế biên.

125. Sự thay đổi lượng cầu một hàng hóa do giá cả hàng hóa liên quan thay đổi, mà vẫn giữ nguyên mức thỏa mãn được gọi là tác động:

- a. Thu nhập.  
b. Thay thế.  
c. Giá cả.  
d. Không có câu nào đúng.

126. Đối với hàng hóa cấp thấp, tác động (hiệu ứng) thu nhập và tác động thay thế:

- a. Cùng chiều với nhau.  
b. Ngược chiều nhau  
c. Có thể cùng chiều hoặc ngược chiều tùy mỗi tình huống.  
d. Loại trừ nhau.

127. Một người tiêu thụ có thu nhập  $I = 420$  đồng, chi tiêu hết cho 2 sản phẩm X và Y với  $P_x = 10đ/sản phẩm$ ;  $P_y = 40đ/sản phẩm$ . Hàm tổng hữu dụng thể hiện qua hàm:  $TU = (X - 2) Y$

Phương án tiêu dùng tối ưu là:

- a.  $X = 22$ ,  $Y = 5$   
b.  $X = 20$ ,  $Y = 5$   
c.  $X = 10$ ,  $Y = 8$   
d.  $X = 26$ ,  $Y = 4$



128. Với hàm tổng hữu dụng  $TU = (X - 2) Y$  và phương án tiêu dùng tối ưu là  $X = 22, Y = 5$ . Vậy tổng số hữu dụng:

- a.  $TU = 100$
- b.  $TU = 90$
- c.  $TU = 64$
- d.  $TU = 96$

129. Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y ( $MRS_{xy}$ ) thể hiện:

- a. Tỷ giá giữa 2 sản phẩm.
- b. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng mức thỏa mãn không đổi.
- c. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường.
- d. Tỷ lệ năng suất biên giữa 2 sản phẩm.

130. Độ dốc của đường ngân sách (đường giới hạn tiêu dùng) thể hiện:

- a. Sự đánh đổi của 2 sản phẩm trên thị trường.
- b. Tỷ giá giữa 2 sản phẩm.
- c. Khi mua thêm 1 đơn vị sản phẩm này cần phải giảm bớt số lượng mua sản phẩm kia với thu nhập không đổi
- d. Các câu trên đều đúng.

131. Giả sử bia là hàng thông thường và giá bia tăng khi đó (hiệu ứng) tác động thay thế sẽ làm người ta mua bia... Và tác động thu nhập sẽ làm người ta mua bia...

- a. Nhiều hơn; nhiều hơn.
- b. Nhiều hơn; ít hơn.
- c. Ít hơn; nhiều hơn.
- d. Ít hơn; ít hơn.

132. Thặng dư của người tiêu dùng trên thị trường đó là:

- a. Tích số giữa giá cả và số lượng hàng hóa cân bằng trên thị trường.
- b. Phần chênh lệch giữa giá thị trường và chi phí biên của các xí nghiệp.
- c. Diện tích của phần nằm dưới đường cầu thị trường và phía trên giá thị trường của hàng hóa
- d. Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí sản xuất.

133. Để tối thiểu hóa chi phí sản xuất, các xí nghiệp sẽ thực hiện phối hợp các yếu tố sản xuất (YTSX) theo nguyên tắc:

- a.  $MP_a = MP_b = MP_c = \dots$
- b.  $MP_a/P_a = MP_b/P_b = MP_c/P_c = \dots$
- c.  $MC = MR$
- d.  $MC_a = MC_b = MC_c$

134. Năng suất biên MP của một YTSX biến đổi là:

- a. Sản phẩm trung bình tính cho mỗi đơn vị YTSX biến đổi.
- b. Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm của các YTSX.
- c. Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm khi sử dụng thêm 1 đ chi phí của các YTSX biến đổi.
- d. Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm khi sử dụng thêm 1 đơn vị YTSX biến đổi, các YTSX còn lại giữ nguyên.

135. Trong dài hạn để tối thiểu hóa chi phí sản xuất các xí nghiệp sản xuất sẽ thiết lập:

- a. Quy mô sản xuất tối ưu tiếp xúc với đường LAC tại điểm cực tiểu của cả 2 đường.

- b. Thiết lập bất kỳ quy mô sản xuất nào theo ý muốn.
- c. Quy mô sản xuất ngắn hạn tiếp xúc với đường LAC tại xuất lượng cần sản xuất.
- d. Tất cả đều sai.

136. Xuất lượng tối ưu của một quy mô sản xuất là:

- a. Xuất lượng tương ứng với MC tối thiểu.
- b. Xuất lượng tương ứng với AVC tối thiểu.
- c. Xuất lượng tương ứng với Ac tối thiểu.
- d. Xuất lượng tương ứng với AFC tối thiểu.

137. Chi phí biên MC là:

- a. Chi phí tăng thêm khi sử dụng thêm 1 đơn vị YTSX.
- b. Chi phí tăng thêm khi sử dụng 1 sản phẩm.
- c. Chi phí tăng thêm trong tổng chi phí khi sản xuất thêm 1 đơn vị sản phẩm.
- d. Là độ dốc của đường tổng doanh thu.

138. Đường mở rộng sản xuất (Expansion path)

- a. Tập hợp các điểm phối hợp tối ưu giữa các YTSX khi chi phí sản xuất thay đổi, giá các YTSX không đổi.
- b. Là tập hợp các tiếp điểm của đường thẳng ích và đường thẳng phí.
- c. Tập Hợp các tiếp điểm của đường thẳng lượng và đường thẳng phí khi giá của 1 YTSX thay đổi.
- d. Tập hợp các tiếp điểm của đường thẳng ích và đường ngân sách.

139. Nếu hàm sản xuất có dạng  $Q = 0.5KL$ . Khi gia tăng các yếu tố đầu vào cùng tỉ lệ thì:

- a. Năng suất tăng theo quy mô.
- b. Năng suất giảm theo quy mô.
- c. Năng suất không thay đổi theo quy mô.
- d. Cả ba đều sai.

140. Đường chi phí trung bình dài hạn LAC là:

- a. Tập hợp những điểm cực tiểu của các đường chi phí trung bình ngắn hạn SAC.
- b. Tập hợp các phần rất bé của đường SAC.
- c. Đường có chi phí trung bình thấp nhất có thể ở mỗi sản xuất khi xí nghiệp thay đổi quy mô sản xuất theo ý muốn.
- d. Tất cả đều đúng.

141. Khi giá cả các yếu tố sản xuất (YTSX) đồng loạt tăng lên, sẽ làm:

- a. Dịch chuyển đường chi phí trung bình lên trên.
- b. Dịch chuyển các đường AC xuống dưới.
- c. Các đường AC vẫn giữ nguyên vị trí cũ.
- d. Các đường AC dịch chuyển sang phải.

142. Quy mô sản xuất (QMSX) tối ưu là:

- a. QMSX có đường SAC tiếp xúc với LAC tại xuất lượng cần sản xuất.
- b. QMSX có chi phí sản xuất bé nhất ở bất kỳ xuất lượng nào.
- c. QMSX có đường SAC tiếp xúc với LAC tại điểm cực tiểu của cả 2 đường.
- d. Tất cả đều sai.

**Dùng thông tin sau để trả lời câu 143.144.145.**

Một nhà sản xuất cần 2 yếu tố K và L để sản xuất sản phẩm X. Biết người này đã chi ra một khoản tiền là  $TC=15.000$  để mua 2 yếu tố này với giá tương ứng  $P_k = 600$ ;  $P_L = 300$ . Hàm sản xuất được cho  $Q=2K(L-2)$ .

143. Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

- a.  $MB_k = 2K$   $MPL = L-2$ .
- b.  $MB_k=2L-4$   $MPL = 2K$ .
- c.  $MP_k= L-2$   $MPL = 2K$
- d. Tất cả đều sai.

144. Phương án sản xuất tối ưu là:

- a.  $K=10$   $L= 30$  c.  $K=12$   $L =26$ .
- b.  $K=5$   $L=40$  d. Tất cả đều sai.

145. Sản lượng tối đa đạt được:

- a.  $Q=560$  c.  $Q=576$ .
- b.  $Q=380$  d.  $Q=580$ .

146. Hàm sản xuất  $Q=K^2 L$  là hàm sản xuất có:

- a. Năng suất (lợi tức) tăng dần theo quy mô.
- b. Năng suất (lợi tức) giảm dần theo quy mô.
- c. Năng suất (lợi tức) không đổi theo quy mô.
- d. Tất cả đều sai.

147. Đường đẳng lượng biểu thị :

- a. Những mức sản lượng như nhau với những phối hợp bằng nhau về 2 YTSX biến đổi.
- b. Những mức sản lượng khác nhau với những mức chi tiêu khác nhau về 2 YTSX biến đổi.
- c. Những mức sản lượng như nhau với những phối hợp khác nhau về 2 YTSX biến đổi.
- d. Những mức sản lượng như nhau với những mức chi phí như nhau.

148. Tổng chi phí sản xuất sản phẩm A là  $TỔ CHỨC=100 + 2Q + Q^2$ .

Đường chi phí biến đổi là (TVC) là:

- a.  $2Q + Q^2$  c. 100.
- b.  $2 + 2Q$  d.  $(100/Q) + 2 + Q$ .

149. Khi ta cố định sản lượng của một hàm sản xuất cho số lượng vốn và lao động thay đổi thì đường cong biểu diễn sẽ được gọi là:

- a. Đường chi phí biên.
- b. Đường tổng sản phẩm.
- c. Đường sản phẩm trung bình.
- d. Đường đẳng lượng.

150. Sự cải tiến kỹ thuật:

- a. Cho phép sản xuất nhiều sản phẩm hơn với cùng số lượng các yếu tố đầu vào so với trước .
- b. Có thể được biểu hiện qua sự dịch chuyển lên trên của đường tổng sản phẩm.
- c. Có thể che dấu sự tồn tại của tình trạng năng suất biên giảm dần.
- d. Cả ba câu trên đều đúng.

\*151. Điểm phối hợp tối ưu các YTSX với chi phí bé nhất là:

- a. Tiếp điểm của đường thẳng lượn g và đường thẳng phí.
- b. Thỏa mãn điều kiện :  $MPA/PA = MPB/PB = MPC/PC$ ..
- c. Thỏa mãn điều kiện :  $A.PA + B.PB + C.PC= TC$ .

d. Tất cả đều đúng.

**Dùng thông tin sau để trả lời các câu 152, 153, 154.**

Hàm tổng chi phí ngắn hạn của một công ty được cho bởi phương trình:

$$TC =190 + 53Q \text{ (đơn vị tính: } 10.000\text{)}.$$

152. Nếu sản xuất 100.000 đơn vị sản phẩm, chi phí khả biến trung bình là:

- a. 72 b. 53 c. 70
- d. Tất cả đều sai.

153. Chi phí cố định trung bình là:

- a. 190 b. 19. c. 53
- d. Tất cả đều sai.

154. Chi phí biên mỗi đơn vị sản phẩm là:

- a. 19 b. 72. c. 72
- d. Tất cả đều sai

155. Giả sử sản phẩm trung bình (năng suất trung bình ) của 6 công nhân là 15. Nếu sản phẩm biên (năng suất biên) của người công nhân thứ 7 là 20, thể hiện:

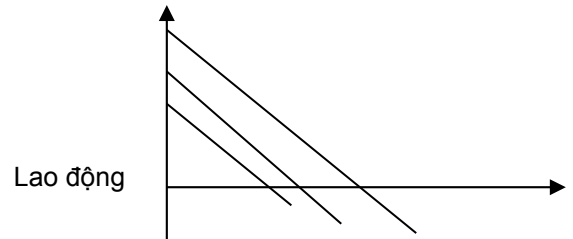
- a. Năng suất biên đang giảm c. Năng suất trung bình đang giảm.
- b. Năng suất biên đang tăng d. Năng suất trung bình đang giảm.

156. Trong ngắn hạn , khi sản lượng càng lớn , loại chi phí nào sau đây càng nhỏ:

- a. Chi phí biên c. Chi phí trung bình.
- b. Chi phí biến đổi trung bình d. Chi phí cố định trung bình.

157. Đồ thị biểu diễn các đường thẳng lượn g sau phản ánh:

Vốn



- a. Tỷ lệ thay thế biên kỹ thuật không đổi.
- b. Lao động và vốn phải được sử dụng theo những tỷ lệ cố định.
- c. Lao động và vốn có thể hoàn toàn thay thế cho nhau.
- d. Cả (a) và (c) đều đúng.

159. Chọn câu sai trong các câu dưới đây;

- a. Khi chi phí biên giảm dần thì chi phí trung bình cũng giảm dần.
- b. Chi phí cố định bình quân giảm dần khi sản lượng càng lớn.
- c. Khi chi phí trung bình giảm dần thì chi phí biên cũng giảm dần.
- d. Khi chi phí trung bình tăng dần thì chi phí biên cũng tăng dần.

- e. Chi phí biên lớn hơn chi phí trung bình khi chi phí trung bình tăng dần.

160. Số sản phẩm tăng thêm khi doanh nghiệp sử dụng thêm 1 đơn vị của một yếu tố đầu vào (các yếu tố đầu vào khác được sử dụng với số lượng không đổi) gọi là:

- a. Năng suất biên c. Chi phí biên.  
b. Hữu dụng biên d. Doanh thu biên.

161. Giả sử mức sản phẩm biên của công nhân thứ nhất, thứ hai, và thứ ba lần lượt là 10, 9 và 8. Tổng số sản phẩm khi thuê 3 công nhân bằng:

- a. Mức sản phẩm biên trung bình của 3 công nhân =  $(10 + 9 + 8) / 3 = 9$ .  
b. Mức sản phẩm biên của công nhân thứ ba nhân cho số lượng công nhân =  $9 \times 3 = 27$ .  
c. Tổng mức sản phẩm biên của ba công nhân cho số lượng công nhân =  $(10 + 9 + 8) \times 3 = 81$ .  
d. Tổng mức sản phẩm biên của 3 công nhân =  $10 + 9 + 8 = 27$ .

162. Giả sử tại mức đầu vào hiện tại, tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên là:  $MRTS = -3$ . Với vốn được biểu diễn trên trục tung và lao động được biểu diễn trên trục hoành thì:

- a. Nếu doanh nghiệp thuê thêm một đơn vị vốn thì có thể sản xuất thêm 3 đơn vị sản phẩm.  
b. Năng suất biên của lao động bằng 3 lần năng suất biên của vốn.  
c. Nếu sử dụng thêm 3 đơn vị lao động doanh nghiệp cần phải thêm 3 đơn vị vốn.  
d. Nếu giảm 1 đơn vị vốn, doanh nghiệp có thể thuê thêm 3 đơn vị lao động mà sản lượng không đổi.

163. Trong ngắn hạn khi sản lượng tăng mà chi phí biên (MC) tăng dần và chi phí biên đổi trung bình (AVC) giảm dần là do:

- a.  $MC < AVC$  c.  $MC < AFC$   
B.  $MC > AVC$  d.  $MC < AC$

164. Chi phí trung bình để sản xuất 100 sản phẩm X là 15 đvt, chi phí biên không đổi ở các mức sản lượng là 10 đvt. tại mức sản lượng 100 sản phẩm, chi phí trung bình đang:

- a. Không xác định được. c. Giảm dần.  
b. Tăng dần. d. Không đổi.

165. Câu phát biểu nào dưới đây không đúng với khái niệm dài hạn trong kinh tế học:

- a. Dài hạn là khoảng thời gian từ 5 năm trở lên.  
b. Không có yếu tố sản xuất nào là cố định.  
c. Các doanh nghiệp ra khỏi ngành khi già bán nhỏ hơn chi phí sản xuất trung bình.  
d. Các doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.

166. Hàm tổng chi phí biến đổi có dạng:  $TVC = Q + 4Q^2$ . Do vậy, đường chi phí biên có dạng:

- a. Nằm ngang song song trục hoành.  
b. Đường thẳng dốc đứng.  
c. Chữ U.  
d. Đường thẳng dốc lên.

167. Một trong các đường chi phí không có dạng hình chữ U (hoặc chữ V), đó là:

- a. Đường chi phí trung bình (AC).  
b. Đường chi phí biên (MC).  
c. Đường chi phí biến đổi trung bình (AVC).  
d. Đường chi phí cố định trung bình (AFC).

168. Một xí nghiệp đang kết hợp 100 công nhân với đơn giá 1 USD / giờ và 50 đơn vị vốn với đơn giá 2,4 USD / giờ để sản xuất một sản phẩm X. Hiện nay, năng suất biên của lao động  $MPL = 3$  đvsp và năng suất biên của vốn  $MPK = 6$  đvsp. để tăng sản lượng mà chi phí không đổi thì xí nghiệp nên:

- a. Giữ nguyên số lượng vốn và số lượng lao động nhưng phải cải tiến kỹ thuật.  
b. Giảm bớt số lượng lao động để tăng thêm số lượng vốn.  
c. Giảm bớt số lượng vốn để tăng thêm số lượng lao động.  
d. Các câu trên đều sai.

169. Ngắn hạn và dài hạn trong kinh tế học có nghĩa là:

- a. Ngắn hạn là khoảng thời gian trong đó xí nghiệp có một số yếu tố sản xuất cố định và những yếu tố sản xuất khác thì biến đổi, dài hạn là khoảng thời gian đủ để xí nghiệp thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất.  
b. Ngắn hạn là khoảng thời gian 1 năm trở lại, dài hạn là khoảng thời gian trên 1 năm.  
c. Ngắn hạn là khoảng thời gian 3 tháng trở lại, dài hạn là khoảng thời gian trên 3 tháng.  
d. Ngắn hạn thì có thể thay đổi quy mô, dài hạn thì không thể thay đổi quy mô.

170. Cho hàm tổng chi phí của xí nghiệp như sau:  $TC = Q^2 + 2Q + 50$ . hàm chi phí cố định (FC) của xí nghiệp là:

- a.  $Q^2 + 50$  c.  $Q^2 + 2Q$   
b. 50 d.  $2Q + 50$

171. Hàm sản xuất sản phẩm của một xí nghiệp được cho là:  $Q = L^2 + K^2 - KL$  (Q sản lượng; L: số lượng lao động; K: số lượng vốn).

- Năng suất biên của lao động (MPL) và của vốn (MPK):  
Năng suất biên của lao động (MPL) và của vốn (MPK):  
a.  $MPI = 2K - K$   $MPK = 2L - K$ .  
b.  $MPI = 2L + 2K - L$   $MPK = 2K - L$ .  
c.  $MPI = 2L + K$   $MPK = 2K + L$   
d.  $MPI = 2L - K$   $MPK = 2K - L$ .

173. Khi đường năng suất biên của lao động (MPL) nằm cao hơn đường năng suất trung bình của lao động (APL) thì:

- a. Cả 2 đường đều dốc lên.  
b. Đường năng suất biên dốc lên.  
c. Đường năng suất trung bình dốc lên.  
d. Đường năng suất trung bình nghiêng xuống.

174. Chi phí cơ hội (Opportunity Cost) của phương án A là:

- a. Lợi ích bị mất đi do chọn phương án A mà không chọn phương án có lợi nhất khác.  
b. Lợi ích bị mất đi do chọn phương án A mà không chọn một phương án khác.  
c. Lợi ích bị mất đi do không chọn phương án A mà chọn một phương án khác.

d. Các câu kia đều sai.

175. Năng suất trung bình của một đơn vị yếu tố sản xuất biến đổi đó là:

- Số lượng sản phẩm tăng thêm khi sử dụng thêm 1 đơn vị yếu tố sản xuất biến đổi.
- Số lượng sản phẩm tăng thêm khi bỏ ra thêm 1 đồng chi phí sản xuất biến đổi.
- Số lượng sản phẩm bình quân được tạo ra bởi 1 đơn vị yếu tố đó.
- Không có câu nào đúng.

176. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên (MRTS) thể hiện:

- Độ dốc của đường tổng sản lượng.
- Độ dốc của đường đẳng phí.
- Độ dốc của đường đẳng lượng.
- Độ dốc của đường ngân sách.

177. Một đường thẳng phí cho thấy:

- Phối hợp giữa 2 yếu tố sản xuất cùng tạo ra một mức sản lượng như nhau.
- Những phối hợp tối ưu giữa 2 yếu tố sản xuất.
- Những phối hợp giữa các yếu tố tạo ra mức sản lượng tối đa.
- Những phối hợp giữa các yếu tố sản xuất mà với cùng một mức chi phí sản xuất xí nghiệp có thể thực hiện được.

178. Độ dốc (hệ số góc) của đường đẳng phí chính là:

- tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 yếu tố sản xuất trên thị trường.
- Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.
- Câu (b) và (c) đều đúng.

179. Nếu đường thẳng lượng là một đường thẳng thì:

- chi phí sử dụng các yếu tố đầu vào cố định ở các mức sử dụng khác nhau.
- Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên không đổi.
- Xuất hiện doanh lợi tăng dần theo quy mô.
- Chỉ có một cách kết hợp các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất.

180. khi có sự kết hợp tối ưu của 2 yếu tố sản xuất. Tại đó:

- Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên bằng tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.
- Chi phí biên đạt cực tiểu tại mức sản lượng đó.
- Hệ số góc của đường thẳng phí và đường thẳng lượng bằng nhau.
- Câu a và c đúng.

181. một hàm số thể hiện số sản phẩm tối đa mà xí nghiệp sản xuất ra trong mỗi đơn vị thời gian tương ứng với mỗi cách kết hợp các yếu tố sản xuất được gọi là:

- Một hàm sản xuất.
- một đường cong bàng quang
- Một hàm đẳng phí
- Một hàm số tổng chi phí sản xuất.

182. Khi năng suất trung bình giảm, năng suất biên sẽ:

- Bằng năng suất trung bình.
- Tăng dần.
- Vượt quá năng suất trung bình.

d. Nhỏ hơn năng suất trung bình.

183. Khi chi phí trung bình tăng dần theo sản lượng thì;

- Chi phí biên nhỏ hơn chi phí trung bình.
- Chi phí biên bằng chi phí trung bình.
- Chi phí biên lớn hơn chi phí trung bình.
- cả ba câu trên đều sai.

184. Để lấp vào vị trí trống trên đây chuyển sản xuất, bạn sẽ:

- Quan tâm đến năng suất biên hơn là năng suất trung bình.
- Không thuê thêm công nhân năng suất trung bình bắt đầu giảm.
- Dừng ngay việc thuê thêm công nhân nếu tổng sản lượng giảm.
- Câu a và c đúng.

186. Đường cung ngắn hạn của các xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là:

- Đường chi phí biên ngắn hạn của xí nghiệp.
- Phần đường chi phí biên nằm ở phía trên đường AC.
- Phần đường chi phí biên nằm ở phía trên đường AVC.
- Phần đường chi phí biên nằm ở phía dưới đường AVC.

187. Doanh thu biên (MR) là:

- Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi giá cả sản phẩm thay đổi.
- Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi bán thêm 1 sản phẩm.
- Là độ dốc của đường tổng phí.
- Là độ dốc của đường tổng cầu sản phẩm

188. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn có 200 doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp có hàm cung  $P = 10 + 20q$ . Vậy hàm cung thị trường sẽ là:

- $P = 2.000 + 4.000Q$
- $P = Q/10 + 10$
- $Q = 100P - 10$
- Tất cả đều sai.

189. Khi  $P < AVC_{min}$ , xí nghiệp nên quyết định:

- Sản xuất ở trọng lượng tại đó  $MC = MR$ .
- Sản xuất tại xuất lượng có  $AVC_{min}$ .
- Ngưng sản xuất.
- Sản xuất tại xuất lượng có  $P = MC$ .

190. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, các xí nghiệp ở trạng thái cân bằng ngắn hạn khi:

- $P = AVC$
- $P = AC$
- $MC = MR = P$
- $P > AC$ .

191. Các xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn và ngành sẽ ở trong tình trạng cân bằng dài hạn khi:

- $P = LAC = MR$
- $P > LAC_{min}$
- $SMC = LMC = LAC_{min} = SAC_{min} = MR = P$ .
- $SMC = LMC = MRL$ .

**Sử dụng các thông tin này trả lời các câu 192,193,194.**

Giả sử chi phí biên của 1 xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn, được cho bởi :  $MC = 3 + 2Q$ . Nếu giá thị trường là 9 đôla.

192. Mức sản lượng xí nghiệp sẽ sản xuất:

- a.  $Q=3$
- b.  $Q=9$
- c.  $Q=6$ .
- d. Tất cả đều sai.

193. Thặng dư sản xuất của xí nghiệp là:

- a. 18
- b. 6
- c. 9
- d. 3

194. Nếu chi phí khả biến trung bình của xí nghiệp là  $AVC = 3 + Q$ . Tổng chi phí cố định là 3, thì xí nghiệp sẽ thu được tổng lợi nhuận:

- a. 18
- b. 21
- c. 6
- d. 15

**Sử dụng thông tin sau để trả lời các câu 195,196,197,198.**

Trong thị trường sản phẩm X, giá định có 2 người tiêu dùng A và B, hàm số cầu cá nhân mỗi người có dạng:

$$P = -1/10q_A + 1200.$$

$$P = -1/20q_B + 1300$$

195. Có 10 xí nghiệp sản xuất sản phẩm X, điều kiện sản xuất như nhau. Hàm chi phí sản xuất mỗi xí nghiệp được cho:

$TC = 1/10q^2 + 200q + 200000$  195. Hàm số cầu thị trường là:

- a.  $P = -3/20Q + 2500$
- b.  $Q_d = 38.000 - 30P$
- c.  $Q_d = 3.800 - 30P$ .
- d. Tất cả đều sai.

196. Hàm số cung thị trường là:

- a.  $P = 2Q + 2000$
- b.  $P = 2Q + 200$
- c.  $Q_d = 50P - 10.000$
- d. Tất cả đều sai.

197. Mức giá cân bằng và sản lượng cân bằng :

- a.  $P = 600$   $Q = 20.000$
- b.  $P = 60$   $Q = 2.000$
- c.  $P = 500$   $Q = 2500$ .
- d. Tất cả đều sai.

198. Sản lượng sản xuất và lợi nhuận của mỗi xí nghiệp là:

- a.  $Q = 200$   $\pi = 20.000$
- b.  $Q = 2.000$   $\pi = 200.000$ .
- c.  $Q = 3.000$   $\pi = 300.000$ .

199. Đối với một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn tình trạng sản lượng tăng lên làm cho lợi nhuận giảm, chúng ta nên biết rằng :

- a. Doanh thu biên vượt quá chi phí biên.
- b. Doanh thu biên bằng giá bán.
- c. Doanh thu biên thấp hơn chi phí biên.
- d. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí.

200. Câu phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Hãng thu được thặng dư sản xuất chỉ khi nào hãng có được một số khả năng độc quyền .
- b. thặng dư sản xuất của một đơn vị sản lượng bằng khoảng chênh lệch giữa giá bán sản phẩm và chi phí biên.

c. Các hãng có chi phí sản xuất thấp sẽ thu được nhiều thặng dư sản xuất hơn hãng có chi phí sản xuất cao.

d. Thặng dư sản xuất là phần diện tích nằm dưới mức giá thị trường và nằm trên đường cung.

201. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Người bán quyết định giá.
- b. Người mua quyết định giá.
- c. Không có ai quyết định giá.
- d. Doanh nghiệp lớn nhất ấn định giá.

202. Doanh thu biên (MR) được xác định bởi :

- a.  $TR/\Delta Q$
- b.  $\Delta TR/\Delta Q$
- c. TR
- d.  $TR/Q$

203. Khi hãng cạnh tranh hoàn toàn đạt được lợi nhuận tối đa trong ngắn hạn :

- a. Giá bán bằng chi phí biên trong ngắn hạn.
- b. Giá bán lớn hơn chi phí trung bình.
- c. Chi phí biên ngắn hạn đang tăng dần.
- d. a, b, c đều đúng.

204. Chọn câu sai trong những câu dưới đây. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Người mua và người bán có thông tin hoàn hảo.
- b. Các doanh nghiệp đều bán một sản phẩm đồng nhất.
- c. Không có trở ngại khi gia nhập hay rời bỏ thị trường .
- d. Có nhiều doanh nghiệp trên thị trường.
- e. Tất cả doanh nghiệp đều là người định giá.

205. Khi hãng đạt được lợi nhuận tối đa thì:

- a. Độ dốc của đường tổng doanh thu bằng độ dốc của đường tổng chi phí.
- b. Sự chênh lệch giữa TR và TC là cực đại.
- c. Doanh thu biên bằng chi phí biên .
- d. a, b, c đều đúng.

206. Nếu một xí nghiệp là người nhận giá thì câu phát biểu nào sau đây đúng:

- a. Độ dốc của tổng doanh thu bằng giá hàng hoá.
- b. Doanh thu biên bằng giá sản phẩm.
- c. Đường tổng doanh thu là đường thẳng đi qua góc toạ độ.
- d. Sự thay đổi của tổng doanh thu khi bán thêm 1 đơn vị hàng hoá thì bằng giá hàng hoá .
- e. Tất cả trường hợp trên.

207. Chọn câu sai trong các câu dưới đây : Trong ngắn hạn doanh nghiệp nhất thiết phải đóng cửa khi:

- a. Phần lỗ lớn hơn chi phí cố định.
- b. Chi phí biến đổi trung bình tối thiểu lớn hơn giá bán.
- c. Tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí.
- d. Tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí biến đổi.

208. Đối với một hãng cạnh tranh hoàn toàn, doanh thu biên sẽ:

- Nhỏ hơn giá bán và doanh thu trung bình.
- Bằng giá bán nhưng lớn hơn doanh thu trung bình.
- Bằng giá bán và bằng doanh thu trung bình.
- Bằng doanh thu trung bình nhưng nhỏ hơn giá bán.

209. Khi một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn đạt cân bằng trong ngắn hạn thì biểu thức nào dưới đây không cần có:

- $P=AC$
- $P=AR$
- $P=MC$
- $P=MR$

Sử dụng những thông tin sau để trả lời các câu 210, 211, 212.

Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn đang sản xuất 100 sản phẩm, tổng định phí là 300, chi phí biên = chi phí trung bình = 15. Tại mức sản lượng trung bình 50, chi phí biên = chi phí biến đổi trung bình = 10. Giá bán sản phẩm trên thị trường là 14.

210. Để tối đa hoá lợi nhuận hay tối thiểu hoá thua lỗ, doanh nghiệp phải:

- Tiếp tục sản xuất ở mức sản lượng hiện tại.
- Ngừng sản xuất.
- Tăng giá bán.
- Tăng sản lượng.
- Giảm sản lượng.

211. Tại mức sản lượng hiện tại, doanh nghiệp đang:

- Bị lỗ và phần lỗ bằng tổng định phí.
- Bị lỗ và phần lỗ nhỏ hơn tổng định phí.
- Lợi nhuận bằng 0.
- Bị lỗ và phần lỗ lớn hơn tổng định phí.

212. Đơn vị sản phẩm thứ 100:

- Không có tác động đến lợi nhuận hoặc thua lỗ của doanh nghiệp.
- Tăng thua lỗ 1 đvt.
- Giảm lỗ 1 đvt.
- Tăng thêm lợi nhuận hoặc giảm thua lỗ 4 đvt.

213. Điều gì dưới đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn.

- Mỗi doanh nghiệp có lợi nhuận kinh tế bằng 0
- Thặng dư sản xuất bằng 0.
- Tất cả các doanh nghiệp trong ngành ở trạng thái tối đa hoá lợi nhuận.
- Số cung và số cầu thị trường bằng nhau.

214. Trong ngành cạnh tranh hoàn toàn, khi các doanh nghiệp mới gia nhập vào ngành làm cầu các yếu tố sản xuất tăng và giá các yếu tố sản xuất tăng và giá các yếu tố sản xuất tăng theo. Chúng ta có thể kết luận đường cung dài hạn của ngành là:

- Dốc lên trên
- Thẳng đứng

b. Dốc xuống dưới . d. Không đổi.

215. Biểu thức nào dưới đây thể hiện nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp, bất kể doanh nghiệp hoạt động ở thị trường nào:

- $MC=MR$
- $MC=MR=AR$
- $MC=P$
- $MC=MR=AC$

216. Khi giá yếu tố của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn tăng lên làm chi phí biên tăng lên thì doanh nghiệp sẽ:

- Sản xuất ở mức sản lượng cũ.
- Tăng giá bán.
- Giảm giá bán.
- Giảm sản lượng.

217. Đối với doanh nghiệp trong một ngành cạnh tranh hoàn toàn thì vấn đề nào dưới đây không thể quyết định được?

- Số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng là bao nhiêu?
- Sản xuất bao nhiêu sản phẩm?
- Bán sản phẩm với giá bao nhiêu?
- Sản xuất như thế nào?

218. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, thặng dư tiêu dùng tồn tại do:

- Nhiều người mua sẵn lòng trả cao hơn mức giá cân bằng.
- Nhiều người bán sẵn lòng bán với giá thấp hơn giá cân bằng.
- Nhiều người mua chỉ đồng ý mua khi giá thấp hơn giá cân bằng.
- Nhiều người bán chỉ đồng ý bán ở những mức giá cao hơn giá cân bằng.

219. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn đang sản xuất tại mức sản lượng  $MC=MR$ , nhưng tổng chi phí biến đổi < tổng doanh thu < tổng chi phí. Theo bạn thì doanh nghiệp này nên:

- Duy trì sản xuất trong ngắn hạn để tối thiểu hoá thua lỗ, nhưng ngừng sản xuất trong dài hạn.
- Ngừng sản xuất ngay vì thua lỗ.
- Sản xuất ở mức sản lượng tối đa hoá lợi nhuận.
- Tăng giá bán cho đến khi hoá vốn.

220. Đường cầu nằm ngang của một xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có nghĩa là:

- Xí nghiệp có thể bán một lượng khá lớn sản phẩm của mình với giá không đổi.
- Xí nghiệp có thể bán hết sản lượng của mình theo giá thị trường.
- Xí nghiệp có thể tăng sản lượng bán ra bằng giá cạnh hạ giá bán.
- Xí nghiệp có thể định giá bán sản phẩm của mình một mức không đổi.

223. Thặng dư của người sản xuất (PS) trên thị trường là:

- Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí biên ( $PS=TR-\sum Ci$ )

- b. Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí biến đổi ( $PS=TR-TVC$ )
- c. Diện tích nằm phía trên đường cung và phía dưới giá thị trường của hàng hoá.
- d. Các câu trên đều đúng.

224. Trong ngắn hạn xí nghiệp có thể thay đổi sản lượng bằng cách:

- a. Thay đổi quy mô sản xuất.
- b. Thay đổi yếu tố sản xuất cố định.
- c. Thay đổi yếu tố sản xuất biến đổi.
- d. Không có câu nào đúng.

225. Để tối đa hoá doanh thu, xí nghiệp độc quyền sẽ quyết định sản xuất ở xuất lượng đó:

- a.  $MC = MR$
- c.  $MR = 0$
- b.  $AR = AC$
- d.  $P = MC$

226. Để điều tiết toàn bộ lợi nhuận độc quyền, chính phủ nên quy định mức giá tối đa  $P^*$  sao cho:

- a.  $P^* = MC$
- c.  $P^* = AVC$
- b.  $P^* = AC$
- d.  $P^* = MR$

227. Để điều tiết một phần lợi nhuận của xí nghiệp độc quyền mà không thiệt hại cho người tiêu dùng, chính phủ nên áp dụng:

- a. Đánh thuế theo sản lượng.
- b. Đánh thuế tỉ lệ với doanh thu.
- c. Đánh thuế khoán hàng năm.
- d. Đánh thuế tỉ lệ với chi phí sản xuất.

228. Biện pháp thuế nào áp dụng đối với xí nghiệp độc quyền sẽ gây thiệt hại cho người tiêu dùng:

- a. Đánh thuế tỉ lệ với lợi nhuận.
- b. Đánh thuế tỉ lệ với doanh thu.
- c. Đánh thuế cố định hàng năm.
- d. Đánh thuế không theo sản lượng.

229. Trường hợp có nhiều thị trường, để tối đa hoá lợi nhuận, xí nghiệp nên phân phối số lượng bán giữa các thị trường sao cho:

- a. Phân phối cho thị trường nào có giá bán cao nhất.
- b. Phân phối đồng đều cho các thị trường.
- c. Doanh thu biên giữa các thị trường là bằng nhau.

d. Giá cả và doanh thu biên bằng nhau giữa các thị trường.

230. Trường hợp xí nghiệp độc quyền có nhiều cơ sở sản xuất, để tối thiểu hoá chi phí sản xuất, xí nghiệp sẽ quyết định phân phối sản lượng sản xuất giữa các cơ sở theo nguyên tắc:

a. Chi phí trung bình giữa các cơ sở phải bằng nhau:

$$AC_1=AC_2...=AC_n$$

b. Phân chia đồng đều sản lượng sản xuất cho các cơ sở.

c. Phân chia sản lượng với tỉ lệ quy mô sản xuất của từng cơ sở.

d. Chi phí biên giữa các cơ sở phải bằng nhau.

231. Để tối đa hoá lượng bán mà không bị lỗ, xí nghiệp độc quyền nên sản xuất theo nguyên tắc:

- a.  $MC=MR$
- c.  $AC=P$
- b.  $MC=P$
- d.  $P=Ac_{min}$

232. Để tối đa hoá lợi nhuận, xí nghiệp nên độc quyền sản xuất xuất lượng:

- a.  $AC=MR$
- c.  $MC=AR$
- b.  $MC=P$
- d.  $P=Ac_{min}$

Sử dụng những thông tin sau để trả lời những câu 233, 234, 235, 236, 237, 238. Có 100 người tiêu dùng sản phẩm X trên thị trường. Hàm số cầu các nhân là như nhau và có dạng:  $P = 2.00 - 5q_d$

233. Hàm số cầu thị trường là:

- a.  $P=22.000-500Q_d$
- c.  $P=-1/20Q+2.200$
- b.  $P=-1/10Q+2.200$
- d.  $P=1/20Q+2.200$

234. Chỉ một xí nghiệp duy nhất sản xuất sản phẩm X, có hàm chi phí sản xuất là:

$$TC = 1/10Q^2 + 400Q + 3.000.000$$

Hàm chi phí biên của xí nghiệp là :

- a.  $MC = 2/10Q + 400$
- c.  $MC = -1/10Q + 2200$
- b.  $MC = 1/10Q + 400$
- d.  $MC = -1/5Q + 400$

235. Hàm doanh thu biên của xí nghiệp là :

- a.  $MR = -1/20Q + 2200$
- c.  $MR = -1/10Q + 2200$
- b.  $MR = 1/10Q + 2200$
- d.  $MR = -1/5Q + 2200$

236. Để đạt lợi nhuận tối đa, xí nghiệp ấn định giá và sản lượng bán là:

- a.  $P = 1800$        $Q = 7.200$
- c.  $P = 1925$        $Q = 5500$
- b.  $P = 1900$        $Q = 6.000$
- d.  $P = 1800$        $Q = 2120$

237. Mỗi sản phẩm chính phủ đánh thuế là 150đ thì xí nghiệp ấn định giá bán và sản lượng bán là

- a.  $P = 1800$        $Q = 7.200$
- c.  $P = 1925$        $Q = 5500$
- b.  $P = 1900$        $Q = 6.000$
- d. tất cả đều sai

238. Nếu doanh nghiệp muốn tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ thì sẽ ấn định giá bán

- a.  $P = 1.700$
- c.  $P = 1.400$
- b.  $P = 2.100$
- d.  $P = 1.800$

239. Nếu nhà độc quyền định mức sản lượng tại đó doanh thu biên = chi phí biên = chi phí trung bình, thì lợi nhuận kinh tế sẽ:

- a. = 0
- c. Cần phải có thêm thông tin
- b. < 0
- d. > 0

240. Một doanh nghiệp quyền có hàm số cầu:  $P = -Q + 20$  và hàm tổng chi phí:  $TC = Q^3 + 4Q + 4$ . Mức giá và sản lượng đạt lợi nhuận tối đa:

- a.  $P = 12$        $Q = 4$
- c.  $P = 4$        $Q = 16$
- b.  $P = 14$        $Q = 5,3$
- d.  $P = 16$        $Q = 4$

241. Thế lực độc quyền có được là do :

- a. Định giá bằng chi phí biên
- b. Định chi phí biên và doanh thu biên bằng nhau
- c. Định giá cao hơn chi phí biến đổi trung bình
- d. Định giá cao hơn chi phí biên

245. Giả sử chi phí biên (MC) của thép do Nhật sản xuất là như nhau cho dù thép sản xuất cho tiêu dùng

nội địa hay xuất khẩu. Nếu cầu của thép tiêu dùng nội địa kém co dãn hơn cầu xuất khẩu thì :

- a. Nhật sẽ xuất khẩu nhiều hơn là bán cho tiêu dùng nội địa
- b. Nhật sẽ bán cho tiêu dùng nội địa nhiều hơn xuất khẩu
- c. Nhật định giá thép xuất khẩu thấp hơn giá thép bán trong nước
- d. Nhật định giá thép xuất khẩu cao hơn giá thép bán trong nước

246. Một công ty có thể bán sản phẩm của nó ở một trong hai thị trường, khi đó :

- a.  $MR_I = MC$  để tối đa hóa lợi nhuận
- b.  $MR_{II} = MC$  để tối đa hóa lợi nhuận
- c.  $MR_I = MR_{II}$
- d. Tất cả các câu trên đều đúng
- e. Tất cả các câu trên đều sai

247. Một nhà sản xuất đĩa CD, có hai thị trường nội địa và xuất khẩu.

Hai nhóm khách hàng này tách biệt nhau. Nhà sản xuất này có thể định giá cao hơn trong thị trường với :

- a. Độ co dãn của cầu theo giá thấp hơn
- b. Độ co dãn của cầu theo giá cao hơn
- c. Lượng cầu thấp hơn ở mọi mức giá
- d. Lượng cầu cao hơn ở mọi mức giá

248. Giá vé ở một nhà hàng Karaoke là 40.000 đ/giờ vào ban ngày ; từ 18 giờ trở đi, giá vé là 60.000đ/giờ. Đây là thí dụ cụ thể về :

- a. Phân biệt giá cấp hai
- b. Phân biệt giá theo thời điểm
- c. Giá cả hai phần
- d. Không câu nào đúng

249. Nếu công ty điện thoại buộc khách hàng trả tiền cước thuê bao hàng tháng và sau đó sẽ phải trả thêm chi phí cho mỗi cuộc gọi, thì công ty đã áp dụng chính sách :

- a. Giá cả hai phần
- b. Phân biệt giá cấp II
- c. Giá trọn gói
- d. Phân biệt giá theo hai bước

250. Giá gộp là một kỹ thuật định giá hữu hiệu khi cầu sản phẩm :

- a. Đồng nhất và được đặt vào mối tương quan

nghịch



- b. Không đồng nhất và được vào mối tương quan nghịch
- c. Đồng nhất và được vào mối tương quan thuận
- d. Không đồng nhất và được đặt vào mối tương quan thuận

**Dùng thông tin sau để trả lời các câu 251 và 252**

Công viên du lịch Đầm Sen đứng trước đường cầu ( $D_1$ ) trong những ngày thường nhưng những ngày thứ bảy và chủ nhật cần gia tăng đến :

$$(D_1) : P_1 = 2 - 0,00001Q_1$$

$$(D_2) : P_2 = 20 - 0,00001Q_2$$

$Q_i$  số lượt người vào công viên mỗi ngày, chi phí biên của dịch vụ như nhau vào các ngày.

251.

- a.  $P_1 = 1,83 ; Q_1 = 1667 ; P_2 = 12,08 \quad Q_2 = 7917$
- b.  $P_1 = 1,80 ; Q_1 = 2000 ; P_2 = 6,43 ; \quad Q_2 = 13.572$
- c.  $P_1 = P_2 = 1,83 ; Q_1 = 1667$  và  $Q_2 = 7917$
- d. Các kết quả trên đều sai.

252. Việc định giá theo thời điểm so với định giá như nhau ở mọi thời điểm có lợi vì :

- a. Giá cả gần với MC
- b. Hiệu quả tăng.
- c. Tổng thặng dư sản xuất và tiêu dùng tăng.
- d. Tất cả các câu trên đều đúng.

**Dùng thông tin sau để trả lời các câu 253, 254, 255, 256 và 257.**

**Đường cầu sản phẩm của một ngành :**

$$Q = 1800 - 200P$$

**Ngành này có LAC không đổi ở mọi mức sản lượng là 1,5. Giá cả và sản lượng thế nào?**

253. Nếu là ngành cạnh tranh hoàn toàn :

- a.  $P = 1,5 ; Q = 750$
- b.  $P = 1,5 ; Q = 1.500$
- c.  $P = 3 ; Q = 1.500$
- d. Các kết quả trên đều sai.

254. Nếu là ngành độc quyền :

- a.  $P = 1,5 ; Q = 750$
- b.  $P = 1,5 ; Q = 1.500$
- c.  $P = 5,25 ; Q = 750$
- d.  $P = 5,25 ; Q = 1.500$

255. Nếu phân biệt giá cấp một :

- a. Giá cả và sản lượng như trong điều kiện cạnh tranh.
- b. Giá cả bao gồm nhiều mức.
- c. Sản lượng vẫn như trong điều kiện cạnh tranh.

d. (b) và (c).

**Tính tổng thặng dư sản xuất (PS) và thặng dư tiêu dùng (CS) trong :**

256. Ngành cạnh tranh :

- a.  $PS + CS = 0$
- b.  $PS + CS = 0 + 5625$
- c.  $PS + CS = 5625 + 0$
- d. Tất cả đều sai.

257. Phân biệt giá cấp một :

- a. Tương tự như ngành cạnh tranh.
- b. Tương tự như ngành độc quyền.
- c. Khó tính toán chính xác.
- d. Các câu trên đều sai.

258. Yếu tố nào sau đây được xem là rào cản của việc gia nhập thị trường :

- a. Qui mô.
- b. Bản quyền.
- c. Các hành động chiến lược của các hãng đương nhiệm.
- d. Tất cả các câu trên.

259. Trong ngành độc quyền hoàn toàn, doanh thu biên (MR) :

- a.  $MR = P$  (P là giá bán)
- b.  $MR = P - \frac{P}{|Ed|}$  (Ed là hệ số co giãn của cầu theo giá)
- c.  $MR = MC$
- d.  $MR = Ed - \frac{|Ed|}{P}$  (MC là chi phí biên)

260. Giả sử một nhà độc quyền với :

$$+ MR = 2400 - 4Q$$

$$+ MC = 2Q$$

Tại mức sản lượng nào doanh thu sẽ đạt tối đa :

- a. 600
- b. 0
- c. 800
- d. 400

261. Một doanh nghiệp độc quyền thấy rằng ở mức sản lượng hiện tại, doanh thu biên bằng 5 và chi phí biên bằng 4. Quyết định nào sau đây sẽ làm tối đa hóa lợi nhuận :

- a. Tăng giá giữ nguyên sản lượng.
- b. Giảm giá và tăng sản lượng.
- c. Tăng giá và giảm sản lượng.
- d. Giữ nguyên sản lượng và giá cả.

262. So với giá cả và sản lượng cạnh tranh, nhà độc quyền sẽ định mức giá..., và bán ra số lượng.....
- Cao hơn; nhỏ hơn.
  - Thấp hơn; nhỏ hơn.
  - Thấp hơn; lớn hơn.
  - Cao hơn; lớn hơn.
263. Đối với người tiêu dùng thì biện pháp điều tiết độc quyền nào của chính phủ mang lại lợi ích cho họ :
- Ấn định giá tối đa.
  - Đánh thuế không theo sản lượng.
  - Đánh thuế theo sản lượng.
  - Cả 3 biện pháp trên.
264. Câu phát biểu nào dưới đây không đúng với doanh nghiệp độc quyền :
- Tại mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận thì giá bằng chi phí biên.
  - Đường cầu của nhà độc quyền chính là đường cầu thị trường.
  - Mức sản lượng để đạt lợi nhuận tối có chi phí biên bằng doanh thu biên.
  - Doanh thu trung bình bằng với giá bán.
265. Giả sử doanh nghiệp độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng có doanh thu biên lớn hơn chi phí biên ( $MR > MC$ ) và đang có lợi nhuận, vậy :
- Mức sản lượng này lớn hơn mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận.
  - Mức sản lượng này chính là mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận.
  - Cần phải có thêm thông tin mới xác định được.
  - Mức sản lượng này nhỏ hơn mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận.
266. Tại mức sản lượng hiện tại, chi phí biên của doanh nghiệp độc quyền lớn hơn doanh thu biên ( $MC > MR$ ). Để tối đa hóa lợi nhuận doanh nghiệp nên :
- Tăng giá và tăng sản lượng.
  - Giảm giá và giảm sản lượng.
  - Giảm sản lượng và tăng giá.
  - Không thay đổi giá và giảm sản lượng hiện tại.
  - Giảm giá và tăng sản lượng.
267. Mức sản lượng doanh nghiệp đạt lợi nhuận tối đa là :
- $Q = 45$  c.  $Q = 30$
  - $Q = 0$  d.  $Q = 60$
268. Tại mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận, thặng dư sản xuất là :
- 1800 c. 7200
  - 2700 d. Các câu khác đều sai
269. Tại mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận, thặng dư tiêu dùng là :
- 900 c. 5.400
  - 1.800 d. 7.200
270. Đường cầu của doanh nghiệp độc quyền càng co dãn ... thì ... càng cao :
- Nhiều; mức độ độc quyền.
  - Ít; lợi nhuận
  - Nhiều; lợi nhuận
  - Ít, mức độ độc quyền
271. Một công ty độc quyền sẽ :
- Chỉ sản xuất những mức sản lượng về phía đường cầu co dãn nhiều.
  - Không sản xuất những mức sản lượng về phía đường cầu co dãn ít.
  - Không sản xuất những mức sản lượng về phía đường cầu co dãn nhiều.
  - Câu (a) và (b) đều đúng.
272. Dưới điều kiện cạnh tranh độc quyền :  
*Trong dài hạn,  $P = LAC_{min}$*
- Trong ngắn hạn, xí nghiệp có thể có lợi nhuận.*
- I và II đúng.
  - I đúng, II sai
  - I sai, II đúng
  - I và II đều sai.
273. Thị trường có vài hạn chế trong việc gia nhập và nhiều xí nghiệp bán sản phẩm phân biệt là :
- Cạnh tranh hoàn toàn.
  - Độc quyền.
  - Cạnh tranh độc quyền.
  - Độc quyền cạnh tranh.
274. Thông tin nào sau đây không được xem là nguồn gốc của tính không hiệu quả trong thị trường cạnh tranh độc quyền.
- $P > MC$

**Dùng thông tin sau đây để trả lời các câu 267, 268, 269.**

Một doanh nghiệp sản xuất một loại sản phẩm không có sản phẩm khác thay thế. Hàm số chi phí biên của doanh nghiệp này là  $MC = 2Q$  và hàm số cầu thị trường là  $P = -2Q + 180$ .

- b. Năng lực sản xuất còn dư thừa.
- c. Sản phẩm đa dạng.
- d. LAC # LACmin.

275. Trong mô hình Cournot, mỗi hãng giả sử rằng :
- a. Đối thủ sẽ giảm giá theo, nhưng sẽ không tăng giá theo.
  - b. Đối thủ sẽ thay đổi giá theo.
  - c. Giá của đối thủ cố định.
  - d. Sản lượng của đối thủ là cố định.

276. .... Cho thấy số lượng mà một hãng định sản xuất là một hàm số của số lượng mà nó nghĩ đối thủ sẽ sản xuất :

- a. Đường hợp đồng.
- b. Đường cầu.
- c. Đường phản ứng.
- d. Cân bằng Nash.

**Dùng thông tin sau để trả lời các câu 277 và 278.**

Giả sử công ty nước suối Vĩnh Hảo có thể sản xuất với chi phí bằng 0 và đường cầu đứng trước công ty :  $Q = 1200 - P$

277. Giá tối đa hóa lợi nhuận, nếu nó là công ty độc quyền :

- a. 400      c. 800
- b. 600      d. 900

278. Giá tối đa hóa lợi nhuận nếu nó ở thế cân bằng Cournot :

- a.                      400                      c. 800
- b. 600                      d. 900

279. Mô hình độc quyền nhóm thích hợp khi một công ty lớn thường dẫn đầu trong việc định giá là mô hình :

- a. Cournot                      c. Lý thuyết trò chơi
- b. Stackelberg                      d. Thế khó xử của người bị giam giữ.

280. Trong mô hình ..... giá cả thường cứng nhắc :

- a. Cournot                      c. Thế khó xử của người bị giam giữ.
- b. Stackelberg                      d. Đường cầu gãy.

281. Trong mô hình đường cầu gãy, nếu một hãng giảm giá thì :

- a. Các hãng khác cũng sẽ giảm giá.
- b. Các hãng khác cạnh tranh không trên cơ sở giá cả

- c. Các hãng khác sẽ tăng giá.
- d. (b) và (c) đúng.

282. Giả sử một độc quyền nhóm có 3 hãng, và giá sản phẩm của họ hiện thời là 12. Cả 3 hãng cùng quy mô. Hãng A quyết định tăng giá sản phẩm của nó lên 18 và công bố là nó làm thế vì giá cao hơn sẽ cần thiết cho ngành tồn tại lâu dài. Hãng B và C liền nhanh chóng âm theo. Đây là ví dụ :

- a. Sự lãnh đạo giá cả.
- b. Thế khó xử của người bị giam giữ.
- c. Hãng thống trị.
- d. Mô hình Stackelberg.

**Dùng thông tin sau để trả lời các câu 283, 284, 285, và 286.**

Trong một thị trường độc quyền nhóm đang áp dụng mô hình đường cầu gãy.

$$Q = 1200 - 5P \quad 0 \leq Q < 100$$

$$Q = 360 - P \quad 150 \leq Q$$

$$\text{Chi phí biên :} \quad MC = Q$$

283. Sản lượng tối đa hóa lợi nhuận :

- a. 172,43                      c. 150
- b. 120                      d. Tất cả đều sai.

284. Giá tối đa hóa lợi nhuận :

- a. 205,72                      c. 210
- b. 240                      d. Tất cả đều sai.

285. Giả sử MC tăng :  $MC = Q + 10$ . Giá tối đa hóa lợi nhuận sẽ là :

- a. 171,43                      c. 210
- b. 240                      d. Tất cả đều sai.

286. Giả sử MC giảm :  $MC = Q - 10$ . Sản lượng tối đa hóa lợi nhuận sẽ là :

- a. 171,43                      c. 150
- b. 120                      d. 205,72

287. Các xí nghiệp trong thị trường thiếu số độc quyền (độc quyền nhóm) ngày nay thường :

- a. Cạnh tranh với nhau thông qua các biện pháp phi giá cả.
- b. Cấu kết với nhau để cùng hạn giá bán.
- c. Cấu kết ngầm với nhau để cùng nâng giá bán.
- d. Đơn phương hạ giá bán để mở rộng thị trường.

288. Hãng nên thuê thêm lao động khi doanh thu sản phẩm biên (MRP) của lao động :

- a. Bằng tiền lương.
- b. Lớn hơn tiền lương.

- c. Nhỏ hơn tiền lương.
- d. Tùy tình huống cụ thể.

289. Nếu các yếu tố khác không đổi, MRP đối với một người bán trong thị trường cạnh tranh :

- a. Nằm dưới (về phía trái) MRP trong độc quyền bán.
- b. Trùng với MRP trong độc quyền bán.
- c. Nằm trên (về phía phải) MRP trong độc quyền bán.
- d. Dốc lên trái với MRP trong độc quyền bán dốc xuống.

290. Trong thị trường sản phẩm cạnh tranh, MRP đối với đầu vào X là :

- a.  $MP_X/P_A$
- b.  $MP_X \times MR_A$
- c.  $MP_A \times MR_X$
- d.  $MP_X \times P_X$

291. Nếu thị trường lao động là cạnh tranh hoàn toàn, lượng lao động được thuê có sức tối đa hóa lợi nhuận khi :

- a.  $MRP_L < W$
- b.  $MRP_L = P$  (giá sản phẩm)
- c.  $MRP_L = W$
- d. Không câu nào đúng.

**Dùng thông tin sau để trả lời các câu 292, 293, 294, 295, 296 và 297.**

Hãng sản xuất trong thị trường sản phẩm cạnh tranh và thị trường lao động độc quyền. Giá hiện thời của sản phẩm là 2. Tổng sản phẩm (Q) và năng suất biên của lao động ( $MP_L$ ) được cho như sau :

$$Q = 240L - 0,1L^2$$

$$MP_L = 240 - 0,2L$$

Đường cung lao động ( $L_s$ ) và chi tiêu biên của lao động ( $ME_L$ ) như sau :

$$L_s = P \quad ME = 2L$$

292. MRP của lao động :

- a.  $240L - 0,1L^2$
- b. 240
- c.  $240 - 0,2L$
- d.  $480 - 0,4L$

293. Số lao động được thuê tối đa hóa lợi nhuận là :

- a. 0
- b. 100
- c. 200
- d. 300

294. Nhà độc quyền sẽ trả cho công nhân mức lương là :

- a. 100
- b. 200
- c. 300
- d. 400

295. Giả sử giá sản phẩm còn 1, tiền lương công nhân sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không đổi
- d. Thiếu thông tin để trả lời.

296. Giả sử thuế đánh vào mỗi đơn vị lao động được thuê, thì số lượng lao động được thuê sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không đổi
- d. Không đủ thông tin để trả lời.

297. Giả sử thuế đánh vào mỗi đơn vị sản phẩm được sản xuất, số lao động được thuê sẽ

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không đổi
- d. Không đủ thông tin để kết luận.